



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 27/2023
Từ 10/7 - 14/7/2023

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

4 ƯU TIÊN ĐỘT PHÁ HƠN NỬA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 12/7, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 về chuyển đổi số quốc gia và Đề án phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu kết luận Hội nghị. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Hơn 1 tỷ lượt tra cứu, khai thác thông tin công dân

Các báo cáo, ý kiến tại cuộc họp thống nhất đánh giá, từ đầu năm 2023, công tác chuyển đổi số quốc gia và triển khai Đề án 06 đã đạt được một số kết quả tích cực.

Theo đó, nhận thức và hành động về chuyển đổi số quốc gia tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ, có sự lan tỏa ở các cấp, các ngành, các địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện được tiến hành quyết liệt, thường xuyên, liên tục, bài bản với quyết tâm chính trị cao.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 01 Luật, ban hành 01 Nghị định, 02 Chỉ thị, 01 Công điện, 7 Nghị quyết, 11 Thông báo kết luận để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và phát triển hệ sinh thái công dân số, kinh tế số và xã hội số. 100% Bộ, ngành, địa phương thường xuyên duy trì và phát triển hoạt động của các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương.

Các tổ chức chính trị - xã hội cùng đồng hành, tham gia tích cực trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát động Tháng Thanh niên năm 2023 với chủ đề "Tuổi trẻ tiên phong chuyển đổi số". Mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy hiệu quả với gần 75.000 tổ và gần 350.000 thành viên ở tất cả các tỉnh, thành (tăng gần 6.000 tổ và 30.000 thành viên so với cuối năm 2022).

Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo khung khổ, điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số quốc gia nói chung và Đề án 06 nói riêng được triển khai tích cực. Quốc hội thông qua Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) vào ngày 22/6/2023; ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật triển khai Đề án 06 nhằm cắt giảm thủ tục, giấy tờ; hướng dẫn số hóa...

Kinh tế số, hạ tầng số, các nền tảng số tiếp tục được phát triển. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, kinh tế số chiếm tỷ trọng trên 15,2% GDP trong 06 tháng đầu năm 2023. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính đến 100% xã trên toàn quốc. Đã phủ sóng cho 2.164/2.418 thôn, bản lôm sóng (đạt 89,5%).

Các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ. Đã hoàn thành về cơ bản cấp 100% căn cước công dân gắn chip cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn toàn quốc; cấp trên 48 triệu tài khoản định danh điện tử cho công dân (vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao).

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ, xác thực, làm sạch dữ liệu với 13 Bộ, ngành, 63 địa phương, 01 doanh nghiệp nhà nước và 03 doanh nghiệp viễn thông với hơn 1 tỷ lượt tra cứu, khai thác thông tin công dân. Đây là tiền đề quan trọng để tạo ra nhiều tiện ích, phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp như: Tích hợp thẻ căn cước công dân với thẻ bảo hiểm y tế (đã có trên 95% cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế sử dụng với gần 36,5 triệu lượt khám chữa bệnh bằng thẻ căn cước công dân); làm sạch 41 triệu thông tin tín dụng ngân hàng; bước đầu sử dụng thẻ căn cước công dân thay thế thẻ ATM với trên 17.000 lượt sử dụng; triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống...

Bên cạnh đó, các Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, hộ tịch, đất đai, tài chính, cán bộ, công chức, viên chức được đẩy mạnh xây dựng, kết nối, liên thông và ứng dụng ngay.

Dịch vụ công trực tuyến được đẩy mạnh. Đã có gần 8 triệu tài khoản và 20,7 triệu hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai 35/53 dịch vụ công thiết yếu ở mức độ 3, 4, giúp tiết kiệm hàng năm trên 2,5 nghìn tỷ đồng; ngành công an đã đưa 227 dịch vụ công lên môi trường điện tử (cấp hộ chiếu trực tuyến, phân cấp đăng ký ô tô, xe máy về cấp huyện, cấp xã của Bộ Công an...). Thí điểm thành công 02 dịch vụ công liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí tại Hà Nội và Hà Nam.

Công tác bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân được quan tâm, chú trọng. Đến tháng 6/2023, có 63% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn, tăng 2 lần so với cùng kỳ năm 2022.

Góp phần thúc đẩy tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, các báo cáo và ý kiến cho thấy một số kết quả tích cực trong chuyển đổi số quốc gia, cụ thể là trong nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là về dữ liệu, đầu tư tài chính, cơ sở vật chất và con người, tạo các dịch vụ công, tiện ích cho người dân và doanh nghiệp,

phục vụ sự phát triển của đất nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thay mặt lãnh đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biểu dương những nỗ lực, cố gắng và kết quả đạt được của các Bộ, ngành, địa phương; sự chỉ đạo quyết liệt của các thành viên Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số; vai trò nòng cốt của lực lượng công an nhân dân trong triển khai Đề án 06; sự đồng lòng, ủng hộ, tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, những kết quả tích cực này mới chỉ là bước đầu và chúng ta vẫn chưa hài lòng, còn nhiều tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Nhiều lãnh đạo các ban, Bộ, ngành, địa phương chưa coi chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực cho chuyển đổi số. Nhiều chỉ tiêu chưa có thông tin để đánh giá; trong các chỉ tiêu có thông tin đánh giá cũng có một số chỉ tiêu khó hoàn thành. Tốc độ mạng băng rộng cố định, di động vẫn là mức trung bình khá.

Chất lượng dịch vụ công trực tuyến (theo tiêu chí đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, an ninh) còn thấp, chưa đạt kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp. Tính liên thông, chia sẻ, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia còn thấp.

Nền tảng xã hội số, thương mại điện tử còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tự chủ trong chuyển đổi số quốc gia. Nhân lực cho chuyển đổi số còn chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng, chất lượng, phân bố chưa đồng đều. An toàn, an ninh mạng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số nguyên nhân và bài học, mà trước hết là vai trò của người đứng đầu, nếu người đứng đầu vào cuộc chỉ đạo quyết liệt thì ở phía dưới có sự chuyển động mạnh mẽ; phát triển hạ tầng phải đồng bộ, toàn diện, liên thông, nhanh chóng hiện đại hóa hạ tầng số; tạo động lực, cảm hứng để người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực hơn vào chuyển đổi số.

Tạo đột phá hơn nữa trong chuyển đổi số

Nhằm phát huy kết quả đã đạt được, những kinh nghiệm quý, bài học hay, đồng thời khắc phục tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc để triển khai thành công Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số quan điểm chỉ đạo.

Theo đó, phải xác định chuyển đổi số là xu thế tất yếu, đòi hỏi khách quan và được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước, cần được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa, vượt qua rào cản, khó khăn, thách thức, tạo đột phá hơn nữa với quan điểm toàn dân, toàn diện, tổng thể, không để ai bị bỏ lại phía sau nhưng phải có ưu tiên. Thủ tướng Chính phủ nêu rõ 4 ưu tiên gồm: Ưu phát triển dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" (dữ liệu là tài nguyên), ưu tiên phát triển các dịch vụ công trực tuyến gắn với đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có đối tượng bao phủ lớn; ưu tiên phát triển các nền tảng (nhất là các cơ sở dữ liệu quốc gia); ưu tiên bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: Xây dựng, phát triển hệ sinh thái công dân số phải là một nền tảng quan trọng của chuyển đổi số quốc gia. Kinh tế số là động lực quan trọng phát triển

kinh tế Việt Nam. Xã hội số là một trong những nền tảng của xã hội Việt Nam. Văn hóa số là một phần quan trọng của nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

Cùng với đó, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, làm mục tiêu, động lực, nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Có tầm nhìn chiến lược và liên tục đổi mới từ tư duy, nhận thức, hành động cho phù hợp điều kiện thực tiễn; phát triển từ quy mô cấp tỉnh, vùng, quốc gia sang quy mô quốc tế gắn với đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Tổ chức triển khai chuyển đổi số quốc gia tại từng Bộ, ngành, địa phương phải đi vào thực chất, mang lại giá trị thiết thực cho chính quyền, người dân, doanh nghiệp gắn với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp.

Các Cơ sở dữ liệu quốc gia là nguồn tài nguyên mới và là nền tảng quan trọng cho Chuyển đổi số quốc gia nên phải có tính liên kết, liên thông, chia sẻ cao giữa các Bộ, ngành, địa phương, giữa các cấp chính quyền, giữa công và tư. Việc hình thành Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an chủ trì xây dựng là một giải pháp quan trọng thúc đẩy hình thành, kết nối, chia sẻ các Cơ sở dữ liệu quốc gia trong tương lai.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp, nâng cao năng lực cán bộ thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai Đề án 06 nói riêng và Chuyển đổi số quốc gia nói chung. Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương phải thường xuyên trực tiếp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, sản phẩm chuyển đổi số của chính Bộ, ngành, địa phương mình; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06.

Đề án 06 là một nhiệm vụ then chốt, quan trọng của Chuyển đổi số quốc gia; cần huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đẩy mạnh triển khai một số cơ chế thí điểm, thử nghiệm quan trọng để mở rộng trong thời gian tới. Phát huy tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

Đẩy mạnh sử dụng, phát triển nền tảng định danh điện tử VneID

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ các nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới, mà trước hết là phải quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong thực hiện Chuyển đổi số quốc gia và triển khai Đề án 06, với quan điểm "Chuyển đổi số quốc gia là công việc rất lớn, rất chiến lược, nhưng phải bắt đầu bằng những hành động cụ thể, mục tiêu cụ thể, làm việc nào dứt điểm việc đó, không thể chung chung được".

Các đồng chí Bộ trưởng, Trưởng ngành, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải chỉ đạo quyết liệt hơn nữa, nỗ lực hơn nữa, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện.

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành địa phương sớm triển khai xây dựng hệ thống giám sát, theo dõi, đánh giá công tác chuyển đổi số quốc gia ở cấp quốc gia, cấp Bộ, ngành và địa phương.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ sớm triển khai xây dựng hệ thống giám sát theo dõi, đánh giá, đôn đốc việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tháo gỡ các điểm nghẽn, khẩn trương hoàn thành các nhóm công việc chưa triển khai trong 6 tháng đầu năm 2023.

Thứ hai, tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách cho Chuyển đổi số quốc gia nói chung và Đề án 06 nói riêng với phương châm một văn bản điều chỉnh nhiều văn bản, áp dụng quy trình rút gọn. Thể chế phải đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia nhanh hơn, bền vững hơn.

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các cơ quan liên quan khẩn trương tổng hợp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản điều chỉnh phù hợp với Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua, hoàn thành trong tháng 8/2023.

Bộ Thông tin và Truyền thông khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan theo hướng đẩy mạnh sử dụng, phát triển nền tảng định danh điện tử VneID (sử dụng định danh điện tử VNeID để tạo lập tài khoản mới đối với thông tin thuê bao di động; cấp chữ ký số gắn liền với định danh điện tử; sửa đổi Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo trình tự, thủ tục rút gọn...).

Cùng với đó, tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trình Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong tháng 7/2023; cập nhật, ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 3.0), hoàn thành trong tháng 9/2023.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an sớm nghiên cứu, xây dựng và trình Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VneID.

Văn phòng Chính phủ đôn đốc các Bộ, ngành hoàn thành thực thi 19 Nghị quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và rà soát sửa đổi văn bản, thủ tục hành chính có yêu cầu giấy tờ cư trú, làm cơ sở cho địa phương công bố, công khai và tổ chức thực hiện. Việc sửa đổi cần phải đơn giản hóa giấy tờ, thông tin người dân phải khai nộp, nhưng phải bảo đảm thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong khai thác dữ liệu công dân phù hợp với các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ theo chỉ đạo của Chính phủ. Thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động, cho ý kiến, thẩm định, thẩm tra quy định thủ tục hành chính trong đề nghị, dự án, dự

thảo vấn bản quy phạm pháp luật; kiên quyết chỉ ban hành thủ tục hành chính mới trong trường hợp thật sự cần thiết.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp, chuyển từ thụ động sang chủ động. Tổ chức triển khai 02 dịch vụ công liên thông Đăng ký khai sinh-đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí trên địa bàn toàn quốc với tinh thần vừa làm, vừa hoàn thiện, nâng cấp.

Phấn đấu đến cuối năm 2023 có ít nhất 20 triệu người dân sử dụng nền tảng VNeID

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng, triển khai các nền tảng số, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành gắn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...; sớm hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công chức, viên chức để chính thức đưa vào hoạt động vào cuối năm 2023; sớm triển khai Cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội để nắm bắt tình hình người lao động bị mất việc làm, người đang có nhu cầu tìm kiếm việc làm...; triển khai công nghệ xác thực sinh trắc học trên thẻ căn cước công dân gắn chip tại các cơ sở khám chữa bệnh để rút ngắn quá trình làm thủ tục; phục vụ hành khách làm thủ tục đi tàu bay tại các sân bay trên các tuyến nội địa...

Bộ Công an phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan đẩy mạnh cấp tài khoản định danh cấp độ 2 trở lên và đẩy mạnh phát triển ứng dụng trên nền tảng VNeID. Phấn đấu đến cuối năm 2023 có ít nhất 20 triệu người dân sử dụng nền tảng VNeID với ít nhất 10 ứng dụng, tăng trưởng 3 - 5%/tháng.

Đẩy mạnh làm giàu thông tin, tích hợp các tiện ích thiết yếu lên ứng dụng VneID bằng cách cho phép người dân được cập nhật dữ liệu cá nhân lên hệ thống và xác thực (trình độ học vấn, quan hệ họ hàng; giấy phép lái xe, tài khoản ngân hàng, điện nước, viễn thông, công chức, viên chức, Đảng viên...).

Sớm nghiên cứu, thí điểm tại một số đô thị loại 3 để triển khai đồng bộ ứng dụng VneID từ làm giàu dữ liệu và triển khai ứng dụng quản lý xã hội và tiện ích cho người dân (tổ giác tội phạm, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, khai báo tạm trú, tạm vắng...; tiện ích cho người dân như lý lịch tư pháp, sổ sức khỏe điện tử, giấy khai sinh, kết hôn, ly hôn, dịch vụ ngân hàng; dịch vụ tiện ích cho nhóm đối tượng yếu thế như người già, trẻ em, người có công...).

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công an tập trung triển khai các giải pháp về đồng bộ dữ liệu thuế, sử dụng căn cước công dân, định danh điện tử là mã số thuế và định danh trong các giao dịch điện tử để nâng cao hiệu quả thu thuế. Phấn đấu 100% cơ sở kinh doanh kết nối hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền vào hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: Kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ giải trí, siêu thị, trung tâm thương mại...

Thứ năm, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm tạo ra những giá trị mới. Bộ Công an khẩn trương nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Trung tâm dữ liệu quốc gia để tổ chức triển khai đi vào thực hiện cuối năm 2024. Sớm nghiên

cứu và xây dựng Trung tâm điều phối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đề chuyên xử lý dữ liệu, đối soát dữ liệu, làm sạch, làm giàu dữ liệu; xác thực dữ liệu; tra cứu dữ liệu; tích hợp và chia sẻ dữ liệu; triển khai phục vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp; tổng đài giải đáp thông tin, giải đáp phản ánh, kiến nghị...).

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu đẩy mạnh bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; huy động nguồn lực cho Chuyển đổi số quốc gia và triển khai Đề án 06; tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm các nước trên thế giới về chuyển đổi số; đẩy mạnh truyền thông tạo đồng thuận xã hội.

Về nguồn lực, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư, vốn chi thường xuyên của Chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bố trí nguồn lực thực hiện. Bộ Nội vụ tiến hành rà soát chung và đề xuất tổng thể với Chính phủ về nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án 06. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn định mức đầu tư phù hợp trong chuyển đổi số để thống nhất thực hiện.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, năm 2023 là năm "Tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới" với nhiệm vụ trọng tâm là số hóa, xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành, địa phương; là bảo vệ dữ liệu cá nhân; khai thác, sử dụng dữ liệu để phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ tin tưởng rằng, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự hưởng ứng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, công cuộc chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 sẽ được triển khai thành công ở cấp độ quốc gia, thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*** Ngày 09/7/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.**

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: Thực hiện Luật Lý lịch tư pháp và các quy định của pháp luật chuyên ngành, thời gian qua công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp và khai thác thông tin lý lịch tư pháp đã đi vào nền nếp và có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cũng như người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thủ tục hành chính quy định phải có Phiếu lý lịch tư pháp; một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân còn lạm dụng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp làm cơ sở tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động; một số tỉnh, thành phố chưa chủ động giải quyết để kịp thời đáp ứng việc tiếp nhận hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tăng đột biến thời gian gần đây, dẫn tới tình trạng chậm trễ, ùn ứ gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Nguyên nhân chính của tồn tại, hạn chế trên là: (1) Nhận thức của một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về Phiếu lý lịch tư pháp và pháp luật về lý lịch tư pháp chưa đầy đủ; (2) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chưa chủ động thực hiện quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp mà chủ yếu yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người dân phải nộp; chưa chủ động rà soát các quy định của pháp luật có yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thủ tục hành chính để cắt giảm hợp lý; (3) Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (4) Nguồn nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất và việc tổ chức công việc tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu trước nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp tăng cao.

Để kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế nguyên nhân nêu trên, tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí xã hội cho người dân, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt, tuân thủ đúng quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp; có các giải pháp hiệu quả và tiến tới chấm dứt yêu cầu người dân nộp Phiếu lý lịch tư pháp không đúng quy định. Trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả ngay một số nhiệm vụ sau:

a) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, nhằm hạn chế tình trạng yêu cầu người dân nộp Phiếu lý lịch tư pháp phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành, lĩnh vực quản lý; có biện pháp chấn chỉnh việc lạm dụng yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm giữ bí mật thông tin lý lịch tư pháp theo quy định.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để cắt giảm yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp không hợp lý trong thực hiện thủ tục hành chính; các cơ quan nhà nước chủ động thực hiện quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp, không yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người dân phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp; có các giải pháp phù hợp, hiệu quả ngăn chặn tình trạng yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn, phát sinh chi phí; kịp thời phát hiện, ngăn chặn tình trạng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đúng quy định pháp luật gây khó khăn, phát sinh chi phí cho người dân; báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm các quy định, thủ tục này trong tháng 8/2023.

c) Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cấp bộ, cấp tỉnh bảo đảm đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, số hóa và tái sử dụng theo đúng yêu cầu của Chính phủ tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023; quan tâm bố trí nguồn nhân lực, điều kiện làm

việc đáp ứng yêu cầu của công tác lý lịch tư pháp bảo đảm theo đúng quy định pháp luật hiện hành, phù hợp yêu cầu, điều kiện thực tiễn của Bộ, cơ quan, địa phương.

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan:

a) Phân quyền cho Sở Tư pháp khai thác, tra cứu Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia để phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm, giảm thời gian, chi phí thực hiện.

b) Tham mưu cho Chính phủ báo cáo Quốc hội thí điểm phân cấp việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại TP. Hà Nội và tỉnh Nghệ An, trình Chính phủ sớm nhất có thể.

c) Đẩy mạnh số hóa, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

d) Khẩn trương rà soát và đề xuất giảm mức phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để khuyến khích thực hiện dịch vụ công trực tuyến gửi Bộ Tài chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3561/VPCP-KSTT ngày 18/5/2023 của Văn phòng Chính phủ.

đ) Phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu, xây dựng giải pháp triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID theo yêu cầu tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 của Chính phủ.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu của cơ quan thi hành án dân sự, Cơ sở dữ liệu do ngành Công an quản lý, Cơ sở dữ liệu của Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, xây dựng giải pháp triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 của Chính phủ. Trên cơ sở đó sơ kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc triển khai thực hiện toàn quốc.

4. Đề nghị các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị này đối với các thành viên để hạn chế việc lạm dụng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện tuyên truyền các quy định về cấp Phiếu lý lịch tư pháp để các tổ chức, doanh nghiệp hiểu và thực hiện đúng, hạn chế tình trạng lạm dụng yêu cầu người dân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp; chỉ đạo các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phối hợp chặt chẽ với cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp để cung ứng dịch vụ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại nhà khi người dân có nhu cầu.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm Chỉ thị này. Định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện trong báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương.

Văn phòng chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị này.

*** Ngày 10/7/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Công điện số 634/CD-TTg tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác định giá đất.**

Công điện gửi Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nêu rõ:

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023, trong đó nêu rõ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá đất cụ thể. Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có nhiều văn bản chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác định giá đất (Thông báo số 244/TB-VPCP ngày 26/6/2023, Công điện số 469/CD-TTg ngày 25/5/2023, Công văn số 4411/VPCP-NN ngày 14/6/2023 và số 4923/VPCP-NN ngày 04/7/2023).

Tuy nhiên, theo kiến nghị của nhiều địa phương, công tác định giá đất ở một số nơi vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, dẫn đến việc định giá đất cụ thể rất chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư. Để kịp thời giải quyết các vướng mắc của địa phương trong việc xác định giá đất cụ thể, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục yêu cầu:

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương:

1) Hoàn thành trước ngày 31/7/2023 việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 về quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

2) Trước ngày 31/7/2023, trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất đã được Thường trực Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại Thông báo số 244/TB-VPCP ngày 26/6/2023, Công điện số 469/CD-TTg ngày 25/5/2023, theo hướng đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, dứt khoát không gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và quy định của pháp luật.

3) Thường xuyên theo dõi, kịp thời hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai đẩy mạnh công tác định giá đất, quyết định giá đất. Thành lập tổ công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vướng mắc về định giá đất của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Tập trung chỉ đạo công tác định giá đất, quyết định giá đất theo thẩm quyền, không lòng vòng, không gây phiền hà, chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư; thực hiện việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ. Kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Phân công Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các Bộ trưởng Bộ: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường kịp thời hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác định giá đất theo chức năng và thẩm quyền được giao.

4. Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức, thực hiện Công điện này.

5. Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương trong việc thực hiện Công điện này, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

Nguồn: baohinhphu.vn

GẮN SẮP XẾP LẠI CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VỚI TINH GIẢN BIÊN CHẾ, CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách chính sách tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị, bảo đảm xây dựng chính quyền địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với cải cách tiền lương

Ngày 10/7, tại Hà Nội, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội họp Phiên toàn thể lần thứ 16 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Trình bày Tờ trình về dự thảo Nghị quyết, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Duy Thăng cho biết, trong giai đoạn 2019 - 2021, cả nước đã tiến hành sắp xếp 21 đơn vị hành chính cấp huyện và 1.056 đơn vị hành chính cấp xã. Kết quả là đã giảm được 8 đơn vị hành chính cấp huyện, 561 đơn vị hành chính cấp xã.

Từ những kết quả đạt được trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc Chính phủ xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 là cần thiết.

Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết là nhằm thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách chính sách tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị, bảo đảm xây dựng chính quyền địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm sự đồng thuận của Nhân dân

Bên cạnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn hoặc các quy hoạch khác có liên quan; chú trọng đến các yếu tố đặc thù và bảo đảm chất lượng đô thị theo quy định.

Dự thảo Nghị quyết quy định rõ các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng mục tiêu đề ra tại Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/1/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và khuyến khích việc sắp xếp đơn vị hành chính không thuộc diện bắt buộc sắp xếp.

Dự thảo Nghị quyết quy định 6 nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; quy định cụ thể về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp; quy định rõ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính...

Xây dựng tầm nhìn tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Trình bày Báo cáo ý kiến của Thường trực Ủy ban Pháp luật về dự thảo Nghị quyết, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Nguyễn Phương Thủy cho biết, Thường trực Ủy ban Pháp luật tán thành với quy định của dự thảo Nghị quyết về phạm vi các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; các trường hợp không bắt buộc sắp xếp đơn vị hành chính do có yếu tố đặc thù và các nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Có ý kiến trong Thường trực Ủy ban cho rằng, mục tiêu của việc sắp xếp đơn vị hành chính không chỉ nhằm làm giảm số lượng đơn vị hành chính, góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước mà còn bảo đảm tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Vì vậy, đối với những đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số quá lớn, gấp rất nhiều lần so với tiêu chuẩn quy định cũng cần được xem xét sắp xếp lại, bởi cho dù có tăng thêm biên chế, thì trong điều kiện hiện nay cũng rất khó tổ chức công tác quản lý nhà nước có hiệu quả trên địa bàn.

Cơ bản đồng tình với Báo cáo ý kiến của Thường trực Ủy ban Pháp luật, tuy nhiên, các đại biểu đề nghị, dự thảo Nghị quyết nên quy định: Xây dựng tầm nhìn tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, bởi việc này có liên quan trực tiếp đến công tác quy hoạch cán bộ.

Có ý kiến đề nghị, cần nhắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện ở các tỉnh miền núi, với diện tích lớn chủ yếu là rừng, trong khi quy mô dân số nhỏ. Sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện này thường gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế, hành chính công.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

SỚM TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HẰNG THÁNG

Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản số 5277/VPCP-KTTH ngày 13/7/2023 về việc sớm triển khai Nghị định số 42/2023/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Công văn nêu rõ, về việc triển khai Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương hướng dẫn để thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng ngay sau khi Nghị định số 42/2023/NĐ-CP có hiệu lực; bảo đảm các đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Nghị định trong thời gian sớm nhất.

Mức tăng lương hưu, trợ cấp thêm từ 12,5% đến 20,8%

Ngày 29/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Theo Nghị định, từ ngày 01/7/2023, điều chỉnh như sau:

Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Từ ngày 01/7/2023, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định, sau khi điều chỉnh có mức hưởng thấp hơn 3.000.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:

Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định số 42/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 14/8/2023. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/7/2023.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành Thông tư 06/2023/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: TRẢ LỜI CỬ TRI VỀ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, CÔNG TÁC CÁN BỘ CƠ SỞ

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà trả lời kiến nghị của cử tri Hà Nội về tiền lương, phụ cấp và công tác cán bộ cơ sở.

Tăng số lượng cán bộ công tác tại phường, xã, thị trấn phù hợp với quy mô

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà vừa trả lời kiến nghị của cử tri TP. Hà Nội liên quan đến đề nghị điều chỉnh quy định theo hướng tăng thêm về số lượng cán bộ công tác tại phường, xã, thị trấn, đặc biệt đối với các khu vực đông dân cư, đô thị hóa nhanh hiện nay, giúp cho các địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Về vấn đề này, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo đó, Điều 6 và Điều 33 đã quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã và giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm.

Nâng cao mức phụ cấp và mở rộng đối tượng hưởng phụ cấp

Cử tri TP. Hà Nội kiến nghị xem xét nâng cao mức phụ cấp, mở rộng đối tượng hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở. Đối với các tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, quy định có hai phó tổ trưởng tổ dân phố.

Đồng thời xem xét điều chỉnh mức phụ cấp đối với Chủ tịch Hội Người Cao tuổi cấp xã đối với các trường hợp không có lương hưu vì cùng làm Chủ tịch Hội song trường hợp có lương hưu được hưởng 1,5 mức lương tối thiểu, trường hợp không hưởng lương hưu chỉ được hưởng 0,87 mức lương tối thiểu.

Cùng với đó, cử tri đề nghị tiếp tục quan tâm, xem xét tổng thể để nâng mức lương, phụ cấp, mở rộng đối tượng được hưởng đối với các cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ bán chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Trả lời các nội dung này, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định cụ thể mức phụ cấp của từng chức danh, mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Khoản 2 Điều 20 Nghị định này quy định trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (trong đó có nhiệm vụ của Văn phòng Đảng ủy) được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

Nâng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã

Về nâng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (trong đó có áp dụng đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố), theo đó, từ ngày 01/7/2023, mức lương cơ sở được điều chỉnh từ 1,49 triệu đồng/tháng lên 1,8 triệu đồng/tháng.

Bổ sung chức danh Văn phòng Đảng ủy cấp xã và xếp vào diện cán bộ chuyên trách hoặc công chức

Liên quan đến kiến nghị bổ sung chức danh Văn phòng Đảng ủy cấp xã và xếp vào diện cán bộ chuyên trách hoặc công chức, Bộ Nội vụ cho biết, vấn đề này liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức hiện hành.

Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị của cử tri TP. Hà Nội để báo cáo cấp có thẩm quyền khi có chủ trương sửa đổi Luật này.

Bên cạnh đó, cử tri TP. Hà Nội đề nghị có quy định liên thông giữa cán bộ thuộc tổ chức Đảng, đoàn thể ở phường với công chức phường và công chức từ cấp quận trở lên nhằm thuận lợi trong chuyển đổi vị trí, công tác giữa các đơn vị.

Bộ Nội vụ thường xuyên chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở; nghiên cứu, xem xét đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ cơ sở vì có nhiều yếu tố đặc thù khác với công chức ở các cơ quan khác.

Trả lời, Bộ trưởng Nội vụ cho biết, Điểm c Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng đối với từng chức danh công chức cấp xã.

Đồng thời, Điều 35 quy định chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo đó, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chủ động, có kế hoạch cụ thể thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Về liên thông cán bộ phường với công chức phường và công chức từ cấp quận trở lên, Bộ Nội vụ đang phối hợp với TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng triển khai thực hiện việc sơ kết tổ chức chính quyền đô thị tại 3 thành phố, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong Quý IV/2023.

Trên cơ sở đó, đề xuất với Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ về tổ chức chính quyền đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

Nguồn: xaydungchinhsach.chinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: KIỂM TRA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thực hiện Kế hoạch số 2340/KH-BNV ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc Kiểm tra cải cách hành chính, đánh giá việc sử dụng và tác động của Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023, ngày 07/7/2023, Đoàn công tác của Bộ Nội vụ do Phó Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính Đỗ Quý Tiến làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc, kiểm tra cải cách hành chính, đánh giá việc sử dụng và tác động của Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tại tỉnh Bình Định.

Tại Buổi làm việc, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bình Định Trịnh Xuân Long đã báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 của tỉnh; các sở, ngành đã báo cáo, giải trình, làm rõ thêm những nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Đoàn công tác đã kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai và kết quả cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào giải quyết công việc cho người dân, xã hội; việc cung ứng dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; năng lực, kỷ luật, kỷ cương của công chức cải cách hành

chính; sự chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của người đứng đầu cơ quan...; việc sử dụng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; việc thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính đối với người dân, xã hội.

Đoàn công tác đã trao đổi, nắm bắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng đời sống và nhu cầu, mong đợi của người dân; ý nghĩa, tác động của cải cách hành chính và hai Chỉ số đối với tỉnh; đưa ra các giải pháp giúp tỉnh nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong thời gian tới.

* Trước đó, Đoàn công tác đã đi kiểm tra thực tế tại Ủy ban nhân dân Phường Nhơn Hưng, Ủy ban nhân dân Phường Bình Định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân TX. An Nhơn và làm việc với Ủy ban nhân dân TX. An Nhơn.

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thay đổi phân hạng Giấy phép lái xe (Bằng lái xe) so với quy định cũ.**

Cụ thể, Giấy phép lái xe bao gồm các hạng sau đây:

1. Hạng A2 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm³ đến 175cm³ hoặc có động cơ có công suất định mức tương đương.
2. Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175cm³ trở lên hoặc động cơ có công suất định mức tương đương và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A2.
3. Hạng A3 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A2.
4. Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải (kể cả ô tô tải chuyên dùng), máy kéo có khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế không vượt quá 3.500kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có gắn kèm rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc không vượt quá 750kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2.
5. Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải (kể cả ô tô tải chuyên dùng, ô tô chuyên dùng), máy kéo có khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế trên 3.500 đến 7.500kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 có gắn kèm rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc không vượt quá 750kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B.
6. Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải (kể cả ô tô tải chuyên dùng, ô tô chuyên dùng), máy kéo có khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế trên 7.500kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C có gắn kèm rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc không vượt quá 750kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1.

7. Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) từ 10 đến 30 chỗ; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 có gắn kèm rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc không vượt quá 750kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C.

8. Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 30 chỗ; xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D có gắn kèm rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc không vượt quá 750kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D2.

9. Hạng BE cấp cho người lái xe để lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B khi kéo rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc trên 750kg.

10. Hạng C1E cấp cho người lái xe để lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 khi kéo rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc trên 750kg.

11. Hạng CE cấp cho người lái xe để lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C khi kéo rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc trên 750kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc.

12. Hạng D2E cấp cho người lái xe để lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 khi kéo rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc trên 750kg.

13. Hạng DE cấp cho người lái xe để lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D khi kéo rơ moóc với khối lượng toàn bộ thiết kế của rơ moóc trên 750 kg.

Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng A2.

Người khuyết tật điều khiển xe ô tô có cơ cấu điều khiển phù hợp với tình trạng khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng B.

Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.

Dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ cũng quy định thời hạn của giấy phép lái xe: Giấy phép lái xe hạng A2, A, A3 không thời hạn. Giấy phép lái xe hạng B có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép lái xe hạng C1, C, D2, D, BE, C1E, CE, D2E, DE có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp.

*** Bộ Quốc phòng đang dự thảo Thông tư quy định thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.**

Đối tượng áp dụng gồm:

1. Cá nhân: a) Quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong Quân đội; b) Người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, người lao động thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; c) Dân quân thường trực, dân quân cơ động; quân nhân dự bị, cá nhân giữ chức vụ chỉ huy, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thời gian tập trung thực hiện nhiệm vụ quân sự,

quốc phòng và nhiệm vụ khác được giao; d) Người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2. Tập thể: a) Bộ Quốc phòng; b) Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục; quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng; các bộ tư lệnh: Thủ đô Hà Nội, Cảnh sát biển, Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bộ Tư lệnh 86; quân đoàn, binh chủng, binh đoàn; học viện, trường sĩ quan, trung tâm, bệnh viện và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng), Ban Cơ yếu Chính phủ; c) Cơ quan, đơn vị từ cấp tiểu đội đến cấp sư đoàn và tương đương; d) Các tổ chức thanh niên quân đội, công đoàn quốc phòng, phụ nữ quân đội (sau đây viết gọn là các tổ chức quần chúng); đ) Các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; các doanh nghiệp cổ phần hóa mà Bộ Quốc phòng sở hữu vốn điều lệ từ 50% trở xuống, tham gia phong trào thi đua trong Quân đội; e) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế; tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 7 và 10 Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau: Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải căn cứ vào thành tích, công trạng của cá nhân, tập thể đạt được trong phong trào thi đua và trong thực hiện chức trách, chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; đối với cán bộ chủ trì đơn vị phải căn cứ vào thành tích của cá nhân và của tập thể do cá nhân đó phụ trách. Khi xét tặng danh hiệu thi đua trong tổng kết phong trào thi đua hằng năm, chỉ khen thưởng cán bộ chủ trì đơn vị khi đơn vị do cá nhân đó phụ trách được khen thưởng.

Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp trung đoàn và tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu thi đua.

Cá nhân được cử tham gia học tập, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua. Cá nhân chuyển công tác đến đơn vị mới, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân đó, trên cơ sở kết quả hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị mới và nhận xét của đơn vị cũ.

Cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị, tổ chức khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu thi đua do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được biệt phái xác nhận.

Không xét tặng danh hiệu thi đua đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 09 tháng, tập thể mới được thành lập dưới 09 tháng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cá nhân, tập thể đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn, thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ, chưa kết luận.

Khen thưởng trong sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ, hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; khen thưởng trong các tổ chức quần chúng sử dụng hình thức khen thưởng trong phạm vi, quyền hạn của đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện. Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng sâu rộng trong toàn quân, toàn quốc thì đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khen thưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

*** Bộ Công Thương đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.**

Bộ Công Thương cho biết, sau 5 năm có hiệu lực thi hành, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã bộc lộ một số những vướng mắc, bất cập cần sớm được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân khi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại và các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

Tại một số điều, khoản của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định cụm từ "hàng hóa khuyến mại" và "hàng hóa, dịch vụ khuyến mại" là không rõ ràng do không thể xác định được đây là hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại hay là hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại. Do vậy, những quy định này sẽ gây khó khăn cho thương nhân và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động khuyến mại.

Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại bao gồm "01 bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật". Trường hợp các thương nhân là siêu thị điện máy, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp,... thực hiện khuyến mại cho tất cả những sản phẩm, hàng hóa mà mình kinh doanh sẽ gặp khó khăn khi nộp các tài liệu này do số lượng hàng hóa được khuyến mại là rất nhiều, đa dạng về chủng loại.

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP hiện quy định: "Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải có sự chứng kiến của khách hàng..." mà không nêu rõ sự chứng kiến của khách hàng là trực tiếp hay gián tiếp nên gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Điểm a Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP hiện quy định: Chương trình khuyến mại tập trung gồm "Chương trình do cơ quan nhà nước (cấp trung ương và cấp tỉnh) chủ trì tổ chức, trong một khoảng thời gian xác định, theo hình thức giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại nhằm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế có mục tiêu của Quốc gia, của địa phương...". Trên thực tế hiện nay, nhằm phát triển hoạt động du lịch, kinh tế, xã hội

của địa phương và để đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm chính hãng là hàng tồn kho, hàng lỗi một, hàng có nhược điểm, hàng chuyên sản xuất để bán giảm giá,... tại các tỉnh, thành phố đã xuất hiện các cửa hàng, trung tâm chuyên bán các sản phẩm này. Tuy nhiên, do các chương trình theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 6 nêu trên chỉ được thực hiện trong một khoảng thời gian xác định nên hiệu quả hoạt động của các cửa hàng và trung tâm này là chưa cao.

Trong những năm gần đây, số lượt hồ sơ thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại do các Sở Công Thương tiếp nhận và giải quyết càng ngày càng tăng cao, đặc biệt trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội. Vì vậy, áp lực trong công tác giải quyết thủ tục hành chính của các Sở Công Thương là rất lớn, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước không được đảm bảo, các doanh nghiệp cũng mất nhiều thời gian, chi phí để thực hiện thủ tục hành chính.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với hoạt động xúc tiến thương mại

Từ thực tiễn nêu trên, Bộ Công Thương đã tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2018/NĐ-CP theo hướng tiếp tục quy định cụ thể hơn một số nội dung của Luật Thương mại và đơn giản hóa các thủ tục hành chính về khuyến mại để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cho cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương xác định việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại bám sát những quan điểm chỉ đạo sau:

Bảo đảm sự phù hợp của các quy định trong Nghị định với quy định của Luật Thương mại năm 2005, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cụ thể hóa, đơn giản hóa và thực hiện hiện đại hóa các thủ tục hành chính đối với các hoạt động xúc tiến thương mại.

Tập trung vào các nguyên tắc công khai, minh bạch, trung thực, cụ thể hóa, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, kết hợp với các chủ trương cải cách hành chính và nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm quyền tự do kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại đồng thời giúp các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xúc tiến thương mại.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo hồ sơ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, ngày 16/02/2023, tại Thông báo số 33/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật liên quan (nếu có), không để có khoảng trống pháp lý đối với 4 ngành, lĩnh vực: Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

Kiểm định xây dựng; Kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới, phương tiện thủy; Sản xuất, lưu trữ giống gốc cây trồng, vật nuôi.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua báo cáo tổng hợp từ các Bộ, ngành, địa phương về tình hình hoạt động và cung cấp các dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 04 ngành, lĩnh vực nêu trên cho thấy một số ngành, lĩnh vực như: kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định xe cơ giới, kiểm định xây dựng... đã thực hiện mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và đến nay có kết quả thực hiện tốt.

Việc cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trong 4 ngành, lĩnh vực nêu trên là có cơ sở thực tiễn, từng bước xã hội hoá, đặc biệt tại các địa bàn mà khu vực tư nhân có khả năng tham gia; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch vụ sự nghiệp công theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Do vậy, dự thảo Quyết định đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, lĩnh vực đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ bao gồm: a) Khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; thoát nước đô thị, nông thôn; b) Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; c) Kiểm định xây dựng; d) Kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới, phương tiện thủy; đ) Sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng, vật nuôi.

*** Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư quy định về phạm vi hoạt động khám bệnh chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản.**

Theo dự thảo, nhân viên y tế thôn, bản thực hiện khám, thực hiện sơ cứu ban đầu các cấp cứu và tai nạn; xử trí ban đầu, chăm sóc một số bệnh thông thường tại cộng đồng.

Bên cạnh đó, nhân viên y tế thôn, bản chăm sóc thai nghén, phát hiện những dấu hiệu bất thường, xử trí ban đầu và hỗ trợ chuyển tuyến đối với phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ sơ sinh; xử trí đẻ rơi cho phụ nữ có thai không kịp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đẻ sinh đẻ; hướng dẫn, theo dõi, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà trong 6 tuần đầu sau khi sinh đẻ.

Nhân viên y tế thôn, bản cũng thực hiện hướng dẫn một số biện pháp đơn giản về theo dõi, chăm sóc sức khỏe trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; tham gia hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: cân, đo, chắm biểu đồ tăng trưởng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Ngoài ra, nhân viên y tế thôn, bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch hoá gia đình, cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, viên thuốc uống tránh thai theo quy định của Bộ Y tế; tham gia quản lý, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh xã hội, bệnh không lây nhiễm tại gia đình.

Theo dự thảo, cô đỡ thôn, bản quản lý thai nghén, phát hiện những trường hợp thai có nguy cơ cao, xử trí ban đầu và chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kịp thời; khám thai, phát hiện thai nghén sớm; lập phiếu theo dõi thai sản, vận động các bà mẹ khám thai ít nhất 4 lần/thai kỳ và đến đẻ tại cơ sở y tế.

Cô đỡ thôn, bản cung cấp viên sắt và axit folic hoặc viên đa vi chất theo hướng dẫn của Trạm y tế xã; theo dõi chuyên dạ; xử trí đẻ rơi cho phụ nữ có thai không kịp đến cơ sở khám

bệnh, chữa bệnh đẻ sinh đẻ; xử trí ban đầu các tai biến trong trường hợp đẻ ngoài cơ sở y tế và chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kịp thời.

Bên cạnh đó, cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ đường dưới ngôi chòm cho phụ nữ mang thai khi chuyển dạ không thể đến hoặc không kịp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đẻ sinh đẻ.

Đồng thời, phát hiện các dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ, xử trí ban đầu, thông báo Trạm y tế xã hỗ trợ hoặc huy động người nhà và cộng đồng chuyển bà mẹ đến cơ sở y tế kịp thời. Hộ tổng bà mẹ đang chuyển dạ đến cơ sở y tế.

Cô đỡ thôn, bản khám và xử trí, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ tại nhà. Cụ thể, đối với bà mẹ: Quan sát toàn thân và trạng thái tinh thần; đo mạch, thân nhiệt, huyết áp; khám vú và hỗ trợ bà mẹ xử trí tụt núm vú, cương đau vú, tắc tia sữa, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến cho con bú; khám nắn bụng, kiểm tra co hồi tử cung; kiểm tra tầng sinh môn, sản dịch; phát hiện các dấu hiệu bất thường của bà mẹ và chuyển đến cơ sở y tế khi cần thiết. Đối với trẻ sơ sinh: Cân trẻ, theo dõi sự phát triển của trẻ; tình trạng bú sữa mẹ hoàn toàn; khám đánh giá tình trạng toàn thân: mạch, tần số thở, tiếng thở của trẻ; phát hiện các bất thường hoặc dị tật bẩm sinh về thính giác, thị giác, không có hậu môn; khám da, vệ sinh thân thể và chăm sóc da cho trẻ; khám rốn và chăm sóc rốn; phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường của trẻ và chuyển đến cơ sở y tế khi cần thiết.

Ngoài ra, cô đỡ thôn, bản hướng dẫn vệ sinh phụ nữ, các biện pháp phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; hướng dẫn thực hiện kế hoạch hoá gia đình, cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, viên thuốc uống tránh thai theo quy định của Bộ Y tế.

Cô đỡ thôn, bản cũng khám và chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi: Theo dõi chiều cao, cân nặng của trẻ, ghi chép biểu đồ tăng trưởng (trong Sổ theo dõi sức khoẻ bà mẹ - trẻ em); xử trí các trường hợp bệnh lý thông thường theo hướng dẫn của Trạm y tế xã; xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu ở trẻ em, huy động gia đình và cộng đồng chuyển trẻ đến cơ sở y tế kịp thời.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: TĂNG PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhờ sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của chính quyền TP. Hà Nội, 6 tháng đầu năm 2023, công tác cải cách hành chính của TP. Hà Nội đã đạt được những kết quả nổi bật, tích cực.

Tập trung vào nhiệm vụ chuyển đổi số

Theo thông tin từ Sở Nội vụ, chính quyền TP. Hà Nội đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số TP. Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số TP. Hà Nội để đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, toàn diện, thống nhất, đồng bộ công tác cải cách hành chính gắn với nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và chuyển đổi số TP. Hà Nội đã họp và chỉ ra một số nhiệm vụ tập trung cần triển khai về chuyển đổi số, chính quyền số, các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong phân cấp, ủy quyền, cơ chế phối hợp trong thực hiện thủ tục hành chính nội bộ từ nay cho đến hết năm 2023.

TP. Hà Nội tiếp tục đánh giá và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố; đăng ký, triển khai các sáng kiến cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị ra toàn thành phố; xây dựng và triển khai Kế hoạch khảo sát, đo lường lấy ý kiến hài lòng của người dân, tổ chức đối với một số dịch vụ công liên quan đến đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục và sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên toàn thành phố.

Kết quả, Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đạt 89,58%; xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố; tăng 7 bậc so với năm 2021. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022 (SIPAS) đạt 80,16%; xếp thứ 30/63 tỉnh/thành phố; năm thứ 5 liên tiếp, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của TP. Hà Nội đạt trên 80%. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2022 (PAPI) của TP. Hà Nội đạt 43,90/80 điểm; xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố; thuộc nhóm 1 (nhóm 15 tỉnh/thành phố có điểm số cao nhất). Đây là năm thứ 2 liên tiếp, TP. Hà Nội giữ vị trí trong nhóm 1 và tiến bộ vượt bậc so với giai đoạn trước.

Về cải cách thể chế, trong 6 tháng đầu năm 2023, Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành 01 Nghị quyết, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành 10 Quyết định quy phạm pháp luật; kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật được 16/16 đơn vị. Trang thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật TP. Hà Nội đã đăng tải 1.986 tin, bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật cho hơn 290 báo cáo viên pháp luật cấp thành phố và báo cáo viên pháp luật quận, huyện, thị xã. Đồng thời, triển khai Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến”; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cải cách hành chính, cư trú, dự thảo chính sách đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) và các lĩnh vực cán bộ và Nhân dân Thủ đô quan tâm đặc biệt là thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp như lý lịch tư pháp, công

chúng, thừa phát lại. Ngoài ra, TP. Hà Nội đã tự kiểm tra đối với 13 Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, kiểm tra theo thẩm quyền đối với 45 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, rà soát và ban hành Quyết định công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của TP. Hà Nội ban hành đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2022, rà soát chuyên đề liên quan đến lĩnh vực nhà đất; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và rà soát văn bản có yêu cầu giấy tờ cư trú; đề xuất, kiến nghị về các quy định gây vướng mắc về đầu tư, sản xuất, kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới.... Cùng với đó, hoàn thiện 9 chính sách lớn đề nghị xây dựng Luật và tiến hành đánh giá tác động của chính sách. Đến nay, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó có dự án Luật Thủ đô (sửa đổi). Thực hiện ủy quyền hơn 86% thủ tục hành chính.

Về cải cách thủ tục hành chính, TP. Hà Nội đã ban hành 82 văn bản liên quan đến kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. TP. Hà Nội đã thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (08 thủ tục hành chính); ban hành 30 Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính (bao gồm: công bố danh mục 1.104 thủ tục hành chính, bãi bỏ 137 thủ tục hành chính) thuộc phạm vi quản lý của các sở và tương đương; phê duyệt 857 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, ngoại vụ, du lịch, công thương, xây dựng, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông, lao động - thương binh và xã hội, khoa học và công nghệ, dân tộc, quản lý các khu công nghiệp và chế xuất). Tính đến ngày 14/6/2023, tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc TP. Hà Nội là: 1.853 thủ tục hành chính, trong đó cấp sở, cơ quan tương đương sở: 1407 thủ tục, cấp huyện: 297 thủ tục và cấp xã là: 149 thủ tục.

Đặc biệt, trong công tác cải cách tổ chức bộ máy, TP. Hà Nội đã hoàn thành việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các sở; các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; tập trung rà soát đồng bộ các nhiệm vụ giao thoa, chồng chéo các cấp; giảm từ 6 xuống còn 4 đơn vị đối với các Ban Quản lý dự án chuyên ngành; giảm 2 trường cao đẳng, 1 trường trung cấp; 2 chi cục thuộc sở; 7 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; 1 đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục thuộc Sở. Năm 2023, đã giảm 2.385 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước so với năm 2022 (đạt tỷ lệ 2%). Qua rà soát, kiện toàn, tinh giản biên chế đã góp phần thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của Trung ương và TP. Hà Nội.

Đối với thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương, đã thực hiện ủy quyền đối với 531/617 thủ tục hành chính (đạt tỷ lệ 86,06%), đồng thời, chỉ đạo thực hiện thống nhất đối với các nội dung ủy quyền từ Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cho cấp sở, cấp huyện; từ sở, ban, ngành cho các phòng, ban, đơn vị thuộc sở; từ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về các phòng, ban, đơn vị thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp xã; rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thực hiện công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện sau ủy quyền.

Về phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, TP. Hà Nội đưa vào và vận hành chính thức 4 hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung quan trọng, cốt lõi, gồm: Hệ thống thông tin báo cáo thành phố; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung thành phố; Kênh tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp qua ứng dụng Zalo; Ứng dụng quản lý cuộc họp tại Ủy ban nhân dân thành phố và sẵn sàng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu với các Bộ, ngành Trung ương và Chính phủ.

TP. Hà Nội tiếp tục tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử để làm cơ sở xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; hoàn thành việc cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất, hoàn thành việc xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung.

Nguồn: kinhtedothi.vn

HÀ NỘI: TẠO CHUYỂN BIẾN MẠNH VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TẤT CẢ CÁC CẤP

TP. Hà Nội là một trong các tỉnh, thành phố đầu tiên đảm bảo đầy đủ các điều kiện và kết nối thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Từ năm 2021, TP. Hà Nội bắt đầu triển khai chương trình Chuyển đổi Số. Mặc dù chưa có các văn bản quy phạm về lĩnh vực này, nhưng ngay sau khi Thành ủy ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 về Chuyển đổi Số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đã thực sự tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động tại tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị của thành phố.

Đến nay, toàn bộ hệ thống chính trị của TP. Hà Nội đã vào cuộc, nhận thức rõ vai trò của chuyển đổi số và đã triển khai các nhiệm vụ một cách đồng bộ, theo lộ trình chung của thành phố.

Kết quả ghi nhận đến 6 tháng đầu năm 2023, TP. Hà Nội là một trong các tỉnh, thành phố đầu tiên đảm bảo đầy đủ các điều kiện và kết nối thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Các chỉ số xếp hạng, đánh giá liên quan đến chuyển đổi số năm 2022 được nâng cao, trong đó có chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) xếp thứ 24/63 tỉnh/thành phố, tăng 16 bậc so với năm 2021.

Bên cạnh việc ban hành các chương trình, kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ cụ thể, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã tập trung chỉ đạo để trong thời gian ngắn, các hệ thống lớn, dùng chung toàn thành phố đã hoàn thành, như hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Cùng với đó là các quy định, quy chế kèm theo để đảm bảo vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, như Quy chế

đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước đã hoàn thành trong Quý I/2023, Quy chế hoạt động hệ thống thư điện tử thành phố,...

Về hạ tầng số, Trung tâm Dữ liệu chính của TP. Hà Nội đang tập trung triển khai để sớm đưa vào khai thác, sử dụng trong Quý IV; đồng thời tiếp tục duy trì, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt mạng diện rộng WAN của thành phố, hệ thống giao ban trực tuyến cả thành phố (đã được triển khai tới 3 cấp chính quyền).

TP. Hà Nội cũng đang phối hợp với các doanh nghiệp tập trung triển khai chữ ký số miễn phí cho người dân tại bộ phận một cửa của các sở, ngành, ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã. Đến nay, trên toàn thành phố đã cấp khoảng 10.000 chữ ký số miễn phí cho công dân TP. Hà Nội để thực hiện dịch vụ công trực tuyến của thành phố.

TP. Hà Nội đã ban hành Danh mục dữ liệu mở của thành phố. Đây là những dữ liệu chuyên ngành sẽ được triển khai chia sẻ trong nội bộ cơ quan nhà nước và với công dân trong thời gian tới. Đồng thời, thành phố đã chỉ đạo triển khai Công dữ liệu thành phố và hệ thống nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP). Đây là 2 hệ thống cơ bản làm nền tảng để các đơn vị tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước.

Hiện, các cơ sở dữ liệu của các ngành được giao các ngành triển khai đã và đang dần hình thành, trong đó tập trung một số cơ sở dữ liệu quan trọng, như cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu cán bộ công chức...

Tuy nhiên, theo Báo cáo kết quả giám sát về thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội mới đây của Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội cho thấy việc chuyển đổi số tại thành phố vẫn chậm được triển khai. Hiện nay, các nhiệm vụ, công việc liên quan đến chuyển đổi số mới chủ yếu trên kế hoạch, quán triệt, tuyên truyền để nâng cao trách nhiệm, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số.

Kết quả, tiến độ của việc xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu, hệ thống phân tích thông tin báo cáo, việc xây dựng Trung tâm điều hành thông minh thành phố Hà Nội để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của các cơ quan còn chậm. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu còn hạn chế, dữ liệu còn phân tán ở các cấp, cấu trúc còn nhiều ý kiến khác nhau và chưa có sự rõ ràng theo các cấp.

Từ những tồn tại, hạn chế trên, Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội kiến nghị thành phố chỉ đạo sớm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và phần mềm để thực hiện có hiệu quả hệ thống một cửa dùng chung 3 cấp và việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; hướng dẫn xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành phục vụ quản lý, cung cấp giải pháp xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin, bổ sung kịp thời trang thiết bị cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo điều kiện triển khai tốt các nhiệm vụ được giao; hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ chuyên môn về chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực để tạo sự đồng bộ và liên kết, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tránh lãng phí toàn thành phố.

Nguồn: ttxvn/vietnamplus.vn

BẮC GIANG: BAN HÀNH QUY TRÌNH CẢI TIẾN VIỆC TIẾP NHẬN, HƯỚNG DẪN HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CÁC CẤP

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 Phê duyệt quy trình cải tiến việc tiếp nhận, hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Mục tiêu của Quyết định số 943/QĐ-UBND là: các thủ tục hành chính được xử lý chặt chẽ, thông tin xác thực và thống nhất. Hạn chế tối đa việc người dân, tổ chức phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ rườm rà và lặp đi lặp lại. Đến năm 2025, 80% người dân, tổ chức không phải cung cấp lại các giấy tờ, thông tin, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó; Các thủ tục hành chính được xử lý chính xác và nhanh chóng. Mục tiêu đến năm 2025, thời gian chờ của người dân giảm xuống dưới 15 phút/lượt; Các thủ tục hành chính được xử lý bằng các ứng dụng công nghệ thông tin và tập trung vào trải nghiệm của người dân, tổ chức. Bắt đầu từ việc số hóa, tạo ra cơ sở dữ liệu quốc gia, mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tối thiểu đạt 70% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận và 100% hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng; Công chức của Bộ phận Một cửa các cấp có năng lực, tác phong phục vụ thân thiện và tích cực hỗ trợ. Các giao diện tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến dễ dàng sử dụng. Mức độ hài lòng khi giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95% vào năm 2025.

Theo đó Quy trình tiếp nhận, hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bao gồm:

Công chức tại Bộ phận Một cửa hướng dẫn kê khai nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Các hồ sơ, giấy tờ người dân, doanh nghiệp phải nộp khi giải quyết thủ tục hành chính; quy trình, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; mức và cách thức nộp thuế, phí, lệ phí hoặc các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có); cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính khi người dân, doanh nghiệp yêu cầu theo quy định pháp luật. Lấy số thứ tự, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, đánh giá sự hài lòng khi người dân, doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục hành chính (nếu có). Nội dung hướng dẫn phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể theo văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, quyết định công bố thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và tại nơi giải quyết thủ tục hành chính. Việc hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Ngoài ra, còn có thể thực hiện qua ứng dụng di động (mobile app).

Cách thức người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính: Người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa các cấp; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang. Công chức Bộ phận Một cửa; Đội Thanh niên tình nguyện hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; Tổ công nghệ số cộng đồng có nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Chuyển từ việc thực hiện để người dân quan sát (làm hộ) sang hướng dẫn để người dân tự thực hiện ngay tại nhà, nơi làm việc hoặc nơi công tác...

Việc tiếp nhận thủ tục hành chính đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: công chức Bộ phận Một cửa các cấp kiểm tra, xác thực thông tin người dân, doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua mã số định danh công dân. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã được số hóa lưu giữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia. Xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, số hoá và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: công chức Bộ phận Một cửa các cấp phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ điện tử. Nếu hồ sơ thủ tục hành chính chưa đầy đủ, công chức Bộ phận Một cửa gửi thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tới người dân, doanh nghiệp. Nếu hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện ký số, tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang.

Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Quy trình trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính chuyển kết quả cho Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp; cập nhật tình hình, kết quả xử lý hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính “ký số kết quả giải quyết” và giải quyết theo phương thức “05 tại chỗ”, công chức Bộ phận một cửa thực hiện in kết quả, đóng dấu và trả kết quả theo quy định pháp luật về công tác văn thư, gắn kèm kết quả giải quyết thủ tục hành chính và kết thúc hồ sơ theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được trả cho người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (trừ trường hợp thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành phải trực tiếp đến nhận kết quả). 100% kết quả của các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử cho người dân, doanh nghiệp.

Đối với những thủ tục hành chính có quy định phải nộp phí, lệ phí, người dân, doanh nghiệp thực hiện theo các phương thức: trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản phí, lệ phí của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đội Thanh niên tình nguyện hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Tổ công nghệ số cộng đồng có nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp cách thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Phòng CCHC, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang

VĨNH PHÚC: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO HƯỚNG CHUYÊN NGHIỆP, HIỆN ĐẠI

Thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung theo các quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, mang lại hiệu quả cao. Nhờ đó, bộ máy hành chính ngày càng được tổ chức khoa học; hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính Nhà nước được nâng cao, từng bước góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

Thực hiện công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã tích cực chỉ đạo các cơ quan của tỉnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, tích hợp, kết nối lên Cổng dịch vụ công quốc gia, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong thực hiện giao dịch hành chính.

100% các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định; đảm bảo tất cả thủ tục hành chính công bố, công khai đều có quy trình nội bộ, quy trình điện tử và đăng nhập vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành. Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã đề ra 71 nhiệm vụ và giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện.

Căn cứ nhiệm vụ được phân công, lũy kế từ đầu năm 2023 đến nay, đã có 37/71 nhiệm vụ được thực hiện (đạt tỷ lệ 52,11%), cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác cải cách hành chính của tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện nay, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã hoàn thành việc nâng cấp chức năng kết nối, đồng bộ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia mới về thủ tục hành chính để đăng tải công khai 1.875 thủ tục hành chính.

Trong đó, 1.435 thủ tục hành chính thuộc cấp tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; một số thủ tục hành chính đơn lẻ đang giải quyết tại các cơ quan, đơn vị; 301 thủ tục hành chính thuộc cấp huyện và 139 thủ tục hành chính thuộc cấp

xã, đảm bảo trùng khớp dữ liệu thủ tục hành chính giữa Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh Vĩnh Phúc.

Bên cạnh đó, phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến iGate của tỉnh truy cập tại địa chỉ dichvucong.vinhphuc.gov.vn đến nay đã kết nối 719 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an.

Hệ thống văn bản điện tử của tỉnh Vĩnh Phúc đã được kết nối liên thông với Trục văn bản quốc gia; tỷ lệ ký số đạt 99,5%. Toàn tỉnh hiện có 12.714 chữ ký số do VNPT Vĩnh Phúc, Viettel Vĩnh Phúc cung cấp cho người dân, công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng để ký số, xác thực, thực hiện trong các giao dịch điện tử dưới các hình thức cung cấp thiết bị và sử dụng như Token, Sim, HSM, Smart...

Nhờ đó, từ ngày 14/12/2022 đến ngày 14/6/2023, các sở, ban, ngành cấp tỉnh tiếp nhận 132.524 hồ sơ, trong đó, giải quyết trước và đúng hạn 116.480 hồ sơ đạt tỷ lệ 96,03%.

Ủy ban nhân dân cấp huyện đã tiếp nhận 24.693 hồ sơ, trong đó, giải quyết trước và đúng hạn 23.809 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,13%; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận 123.435 hồ sơ, trong đó, giải quyết trước và đúng hạn 119.253 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,86%.

Mới đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã công bố báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Chỉ số cải cách hành chính dựa trên thang điểm 100 với các nội dung, như công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính...

Căn cứ kết quả điểm đánh giá trực tiếp và kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh về công tác cải cách hành chính, riêng đối với Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh năm 2022 trung bình đạt 88,27 điểm.

Với những nỗ lực trong tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; tiếp nhận và kịp thời xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; công khai thủ tục hành chính đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định; giải quyết hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 và thực hiện thanh toán phí và lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị đảm bảo theo quy định..., Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị dẫn đầu trong khối các sở, ban, ngành của tỉnh về Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 với tổng điểm 92,66.

Từ nay đến cuối năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục chỉ đạo các cấp, ngành trong tỉnh triển khai, thực hiện các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ và các văn bản của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện thể chế và đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả, hiệu lực trong hệ thống pháp luật tại địa phương.

Thực hiện rà soát thủ tục hành chính để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đơn giản hóa; tổ chức có hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn ở cả 3 cấp...

Nguồn: baovinhphuc.com.vn

YÊN BÁI: TĂNG CƯỜNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; phát huy sự năng động, sáng tạo và sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, chính quyền trong giải quyết thủ tục hành chính được coi là một trong những giải pháp then chốt để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực để kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái phát triển, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Yên Bái năm 2022 đạt 63,09 điểm, xếp vị trí 51/63 tỉnh thành, giảm 0,24 điểm và 11 bậc so với năm 2021. So với các tỉnh trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, tỉnh Yên Bái đứng thứ 9/14, giảm 2 bậc.

Trong 10 chỉ số thành phần với 142 chỉ tiêu, có 3 chỉ số tăng điểm số và thứ hạng, gồm: chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tăng 0,63 điểm và 19 bậc; chỉ số Gia nhập thị trường tăng 0,31 điểm và 14 bậc; chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tăng 0,47 điểm và 6 bậc. Có 2 chỉ số giảm điểm nhưng vẫn nằm trong top dẫn đầu; 5 chỉ số giảm điểm thuộc nhóm cuối của bảng xếp hạng.

Với kết quả trên và trên cơ sở phân tích 142 chỉ tiêu đánh giá thuộc 10 chỉ số thành phần, Yên Bái tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, đưa ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Theo đó, tỉnh Yên Bái tiếp tục cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; quyết liệt triển khai hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các đột phá chiến lược; tập trung phát triển hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng chuyển đổi số, hạ tầng xây dựng nông thôn mới.

Các sở, ban, ngành, địa phương bám sát 142 chỉ tiêu đánh giá để xây dựng kế hoạch, lộ trình, khắc phục; trong đó, đề ra các giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo, hiệu quả để cải thiện điểm số của chỉ số thành phần, chỉ tiêu đánh giá được phân công theo dõi, nhất là các chỉ tiêu nằm dưới Top 40; tích cực đổi mới nâng cao tính năng động, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Bên cạnh đó, tỉnh Yên Bái tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất và có tính chuyên nghiệp cao; xử lý nghiêm, kiên quyết điều chuyển hoặc đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không đủ năng lực hoặc vi phạm đạo đức công vụ, gây phiền hà, sách nhiễu, có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng. Tỉnh Yên Bái cũng quyết liệt cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng.

Cụ thể, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tập trung triển khai các nền tảng chuyển đổi số, ưu tiên các nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến...

Phần đầu triển khai cung cấp 100% dịch vụ công toàn trình đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái và Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo thực hiện các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp được nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm chi phí.

Cùng đó, tỉnh Yên Bái chủ động triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025...

Tiếp tục nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là một nhiệm vụ quan trọng trong năm 2023 và những năm tiếp theo, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Nâng cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu; phát huy sự năng động, sáng tạo và sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, chính quyền trong giải quyết thủ tục hành chính được coi là một trong những giải pháp then chốt để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực để kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Nguồn: baoyenbai.com.vn

TUYÊN QUANG: CẮT GIẢM CHI PHÍ THỜI GIAN

Chi phí thời gian là một trong 10 chỉ số thành phần của Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), là một trong những yếu tố quan trọng, được quan tâm hàng đầu khi đánh giá Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Nhà đầu tư, doanh nghiệp luôn mong muốn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, thanh, kiểm tra nhanh, hiệu quả, hưởng lợi.

Chỉ số cần được cải thiện

Năm 2022, chỉ số Chi phí thời gian của tỉnh là một trong những chỉ số bị đánh giá thấp so với điểm trung vị của cả nước, đạt 6,24 điểm, giảm 0,53 điểm so với năm 2021, đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố. Trong đó, các chỉ tiêu được đánh giá trung bình như: không cần đi lại nhiều lần để lấy dấu, chữ ký, thời gian thực hiện thủ tục hành chính ngắn hơn so với quy định, cán bộ nhà nước thân thiện và giải quyết công việc hiệu quả; phí, lệ phí được công khai đều đạt thấp...

Qua khảo sát, có tới 67% doanh nghiệp cho rằng việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai không đúng với quy trình thủ tục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính dài hơn quy định; 50% doanh nghiệp cho rằng cấp xã định giá đất quá lâu; 42% cho rằng cán bộ không

hướng dẫn đầy đủ các thủ tục hành chính về đất đai; 38% doanh nghiệp nói rằng phải trả chi phí không chính thức trong làm thủ tục hành chính về đất đai.

Báo cáo của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng chỉ ra chỉ ra việc giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện còn nhiều điểm nghẽn. Trong đó, chỉ có 21% doanh nghiệp cho rằng được hướng dẫn thủ tục cấp phép rõ ràng, đầy đủ; 18% doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện. Đây là những con số rất thấp, đứng ở vị trí thứ 2 từ dưới lên so với các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Nguyên nhân và giải pháp

Thực tế, chỉ số Chi phí thời gian là một trong những yếu tố quan trọng mà các doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm hàng đầu. Bởi, không nhà đầu tư, doanh nghiệp nào muốn mất quá nhiều thời gian cho việc giải quyết các thủ tục hành chính hay công tác thanh, kiểm tra hoặc dành thời gian tìm hiểu và thực hiện những quy định pháp luật...

Kết quả trên cho thấy, doanh nghiệp đánh giá mức độ đơn giản về thủ tục giấy tờ tại tỉnh Tuyên Quang dưới mức trung bình; những lợi ích (tiết giảm thời gian, tiết giảm chi phí) khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến doanh nghiệp đánh giá chưa cao. Nguyên nhân sự tụt hạng là do còn tình trạng ở bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thiếu trách nhiệm; thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp chưa tốt, phát sinh tiêu cực... Vai trò của người đứng đầu ở một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt trong triển khai các giải pháp, phân công, kiểm tra, đôn đốc và xử lý tiêu cực liên quan đến hoạt động doanh nghiệp; việc theo dõi kiểm tra, giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ chưa thật sự có hiệu quả...

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Hữu Thập cho rằng, nguyên nhân cơ bản hiện nay tỉnh thiếu quỹ đất “sạch”. Khi doanh nghiệp muốn đầu tư, mở rộng kinh doanh phải thực hiện rất nhiều thủ tục hành chính về đất đai, trong khi đó lại phải thường xuyên gặp khó khăn do cán bộ gây khó khăn, hướng dẫn không đầy đủ, phải đi lại nhiều lần. Nhiều sở, ngành, địa phương khi giải quyết ý kiến kiến nghị của người dân, doanh nghiệp còn rất chậm, chưa kịp thời thông báo đến người dân và doanh nghiệp những vướng mắc (nếu có) trong giải quyết kiến nghị đề cùng tháo gỡ. Hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức né tránh, đưa đẩy trách nhiệm còn không ít; có cán bộ, công chức, viên chức thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp.

Việc cải thiện Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã được Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh họp và đặt ra yêu cầu trong thời gian tới. Trong đó, đòi hỏi chính quyền minh bạch, cán bộ công chức tận tâm, trách nhiệm với tinh thần “đồng hành cùng doanh nghiệp”. Đội ngũ cán bộ, công chức phải thay đổi mạnh mẽ về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ; giao tiếp với người dân và doanh nghiệp trên tinh thần “hỗ trợ - lắng nghe - thân thiện - nhiệt tình”. Các cơ quan, đơn vị cần quyết liệt đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ, đẩy mạnh sử dụng dịch vụ bưu chính công ích; ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán không dùng tiền mặt; thực

hiện nhiều mô hình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đi vào thực chất và hiệu quả, tránh thực hiện hình thức.

Yêu cầu cũng đặt ra đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các vấn đề liên quan đến đất đai, lao động, thuế, thủ tục hành chính. Sở Nội vụ và các ngành liên quan quan tâm đến lựa chọn và bồi dưỡng đạo đức công vụ của cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết thủ tục hành chính. Các ngành, địa phương thường xuyên phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh để tăng cường tuyên truyền tới doanh nghiệp; đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt phản ánh của doanh nghiệp, chú trọng nâng cao phản hồi thông tin...

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

GIA LAI: CHÍNH QUYỀN SỐ DẪN ĐẦU KINH TẾ - XÃ HỘI PHÁT TRIỂN

Nhận thức rõ tầm quan trọng của chính quyền điện tử trước đây và chính quyền số hiện nay, Gia Lai đã tăng cường các giải pháp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nỗ lực từ các ngành, địa phương

Ngày 14/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trương Hải Long đã ký Quyết định số 318/QĐ-UBND phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022. Theo đó, TP. Pleiku tiếp tục đạt mức độ I và dẫn đầu bảng xếp hạng Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố với 154,603 điểm. Để duy trì thứ hạng này, thành phố đã dành sự quan tâm nhất định đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa - Thông tin TP. Pleiku Trần Quang Vinh cho hay: Hiện nay, hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố cơ bản đáp ứng việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang được khai thác có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho việc tổ chức các cuộc họp trực tuyến từ trung ương, tỉnh, thành phố đến các xã, phường. Cổng thông tin điện tử thành phố và trang thông tin điện tử thành phần của 22 xã, phường đang hoạt động có hiệu quả.

Tất cả văn bản đi và đến của Ủy ban nhân dân TP. Pleiku, các cơ quan, đơn vị, xã, phường (trừ văn bản mật) đều được số hóa và gửi trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Trung tâm điều hành đô thị thông minh TP. Pleiku cũng phục vụ tốt việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố, góp phần vào công tác cải cách hành chính, xây dựng mô hình chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số trên địa bàn.

Để vận động người dân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, TP. Pleiku đã chỉ đạo triển khai mô hình “Tổ dân phố điện tử”. Hiện mô hình

này đã được thành lập thí điểm tại 5 phường: Hội Thương, Yên Thế, Đống Đa, Diên Hồng, Thống Nhất. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất Phạm Toàn Vinh cho biết: “Để đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn người dân áp dụng và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Ủy ban nhân dân phường đã ra mắt mô hình “Tổ dân phố điện tử” tại tổ dân phố 5. Cùng với đó, tiến hành rà soát, chọn loại thủ tục hành chính mà người dân, doanh nghiệp sử dụng nhiều, không quá phức tạp để triển khai thực hiện bước đầu, trước mắt ưu tiên các thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực và hộ tịch”.

Bà Vũ Thị Viên (tổ 2, phường Thống Nhất) chia sẻ: “Trước đây, mỗi khi cần thực hiện các thủ tục hành chính, tôi thường đến trụ sở Ủy ban nhân dân phường để làm, đôi lúc mất nhiều thời gian chờ đợi. Sau khi được các thành viên “Tổ dân phố điện tử” hướng dẫn đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và cách kê khai thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tôi thấy khá thuận tiện”.

Thời gian qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện chỉ số chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của đơn vị cũng như chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Theo Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư MIô Đuan, hiện nay, việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ, vận hành trang thông tin điện tử, đăng tải các dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính... đạt nhiều kết quả khả quan. Đáng chú ý, trong năm 2022, tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận trên hệ thống “Một cửa điện tử” là 4.740, trong đó có 4.360 hồ sơ nộp theo hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (chiếm 92%); không có hồ sơ giải quyết trễ hạn.

“Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành việc tích hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia lên Cổng dịch vụ công của tỉnh để phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin doanh nghiệp, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh trực tuyến. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu bản đồ dự án đầu tư tích hợp cũng đã được xây dựng và đưa vào sử dụng nhằm phục vụ việc quản lý, cung cấp thông tin về dữ liệu đầu tư, nhà đầu tư, chính sách thu hút đầu tư”, ông Đuan thông tin.

Hướng đến chính quyền số

Đại diện cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đặng Quang Khanh cho biết: Hiện nay, hạ tầng công nghệ thông tin tại các đơn vị được đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động xây dựng chính quyền điện tử. Hệ thống hội nghị truyền hình do tỉnh quản lý đã thiết lập kết nối thông suốt với 258 điểm cầu. Hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng với 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm. Toàn tỉnh Gia Lai đã thành lập được 1.604 tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ người dân trong tiếp cận công nghệ số, tham gia quá trình chuyển đổi số của địa phương.

Đến nay, 100% cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và huyện đã có cổng/trang thông tin điện tử; 872 cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Tỷ lệ văn bản đi được số hóa, gửi liên thông trên phần mềm (có ký số) đạt 100% (trừ văn bản mật). Tỷ lệ hồ

sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng đạt 100%, cấp huyện đạt trên 90%, cấp xã đạt 70%. Tất cả đơn vị hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện và xã đã triển khai sử dụng phần mềm “Một cửa điện tử” liên thông để tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp...

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, mức độ chính quyền điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh đã có sự tiến bộ qua từng năm. Tuy nhiên, tại nhiều đơn vị, địa phương, các tiêu chí chưa đạt ở năm trước vẫn tiếp tục tồn tại.

Huyện Đức Cơ có vị trí xếp hạng thấp về mức độ chính quyền điện tử trong năm 2022. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Mạnh Định lý giải: Hiện nay, hạ tầng công nghệ thông tin của huyện vẫn chưa đồng bộ; nhiều thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin đã được đầu tư từ lâu, cấu hình thấp và có nguy cơ mất an toàn thông tin. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin của huyện còn thiếu; vốn đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, công nghệ số còn khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nên việc xử lý, số hóa, ký số văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành huyện và cấp xã còn hạn chế, chưa sử dụng nhiều ứng dụng phần mềm nội bộ vào hoạt động chuyên môn. Thêm vào đó, trình độ công nghệ thông tin của người dân cũng hạn chế nên việc thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến bằng các thiết bị điện tử rất khó...

Theo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022, cấp sở có 16/20 đơn vị đạt mức I, 2 đơn vị đạt mức II, 2 đơn vị đạt mức III, không có đơn vị đạt mức IV. 17/17 Ủy ban nhân dân cấp huyện đều được xếp hạng; trong đó có 6 địa phương đạt mức II, 8 địa phương đạt mức III và 3 địa phương đạt mức IV. Một số đơn vị cấp xã cũng đã được xếp hạng mức độ chính quyền điện tử (3/220 đơn vị mức III, 12 đơn vị mức IV), có sự cải thiện so với năm 2021 (100% không được xếp hạng).

Trước thực trạng đó, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ đã quyết liệt chỉ đạo, đề ra giải pháp cụ thể để triển khai hiệu quả hoạt động chuyển đổi số, hướng đến xây dựng chính quyền số trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Bên cạnh đẩy mạnh truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, huyện sẽ gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện và cấp xã chủ động triển khai thực hiện các chỉ số/chỉ số thành phần trong bộ chỉ số đánh giá. “Huyện cũng sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giới thiệu cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn; thu hút nguồn lực công nghệ thông tin, tăng cường huy động vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực này”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khẳng định.

Năm 2022, là năm thứ 5 và là năm cuối cùng thực hiện đánh giá mức độ chính quyền điện tử theo bộ tiêu chí do Trung ương hướng dẫn. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số) thay thế bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ chính quyền điện tử và bắt đầu áp dụng từ năm 2023.

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông cho biết thêm: Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh xác định xây dựng chính quyền số đóng vai trò dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số. Vì vậy, giải pháp trước tiên là xây dựng kế hoạch, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án của Trung ương về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tiếp đó là triển khai tốt dịch vụ công trực tuyến; hợp nhất Cổng dịch vụ công với hệ thống “Một cửa điện tử” để hình thành hệ thống thông tin nhà nước về thủ tục hành chính; khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ cho công tác giải quyết thủ tục hành chính; giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho các đơn vị, địa phương. Xây dựng, kết nối các cơ sở dữ liệu, hình thành nên kho dữ liệu dùng chung gắn với nâng cấp cơ sở hạ tầng của Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về chuyển đổi số. Tăng cường rà soát, đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình “4 lớp”; kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

Cùng với đó, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, tiến tới phổ cập kiến thức chuyển đổi số cho người dân thông qua nền tảng học trực tuyến mở đại trà One Touch. Triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 2.0 đã được phê duyệt; đặc biệt, chuyển dịch hướng sử dụng các hệ thống thông tin trên cơ sở mô hình nền tảng, mô hình công nghệ điện toán đám mây...

Nguồn: baogialai.com.vn

KHÁNH HÒA: CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

6 tháng đầu năm nay, cùng với kết quả các chỉ số đánh giá năm 2022 tăng cao, công tác cải cách hành chính toàn tỉnh Khánh Hòa tiếp tục chuyển biến tích cực, duy trì đà tăng của năm trước.

Đẩy nhanh giải quyết hồ sơ, tinh gọn tổ chức bộ máy

Đến làm thủ tục đăng ký giám hộ, bà Hồ Thị Hữu Phụng (thôn Vạn Thuận, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa) bày tỏ, công chức bộ phận một cửa của xã luôn tận tình hướng dẫn người dân, giải quyết hồ sơ nhanh nên bà rất hài lòng. Còn ở TP. Cam Ranh, ông Đào Toàn Thắng (phường Cam Nghĩa) cũng hài lòng vì hồ sơ đăng ký kinh doanh của ông gửi trực tuyến được giải quyết đúng hạn.

6 tháng đầu năm, khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã giải quyết đúng hạn 99,48% hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trễ hạn 0,52%. Khối cơ quan ngành dọc giải quyết đúng hạn 99,94% hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trễ hạn chỉ 0,06%; riêng ngành Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khánh Hòa đạt tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn 100%. Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả thủ tục hành chính điện tử của tỉnh đạt 61,28%; tỷ lệ số hóa hồ

sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 55,6%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu thông tin đạt 0,9% (2.082 hồ sơ)...

Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Khánh Hòa cũng được sắp xếp tinh gọn hơn. Đến nay, Bệnh viện Giao thông vận tải Nha Trang đã sáp nhập vào Bệnh viện Ung bướu tỉnh; Trung tâm Điều tra khảo sát thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn sáp nhập vào Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa; các trạm khuyến nông, khuyến ngư cấp huyện sáp nhập vào Trạm Khuyến nông và Khuyến ngư tỉnh. Tỉnh tổ chức lại Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; giải thể Ban Quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh; kiện toàn văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025, Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong; quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, lực lượng kiểm ngư, cảnh vụ đường thủy nội địa. Hiện nay, toàn tỉnh có 601 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 82 đơn vị so với năm 2015, tương đương 12%); 941 thôn, tổ dân phố (giảm 49 thôn, tổ dân phố so với năm 2022).

Nỗ lực chuyển đổi số

Đến nay, hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành an toàn, thông suốt. Tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thành kết nối, tích hợp Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của nhiều bộ, ngành Trung ương; kết nối, liên kết dữ liệu đến nhiều hệ thống khác. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; hệ thống thông tin báo cáo tình kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Hệ thống họp trực tuyến được nâng cấp, đưa vào vận hành đến các sở, ngành, địa phương. Bên cạnh đó, nhiều đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số đang được các cơ quan nỗ lực thực hiện, như: Thành lập Trung tâm Quản lý điều hành giao thông công cộng tỉnh; Trung tâm Điều hành thông tin, hỗ trợ khách du lịch; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý; xây dựng đô thị thông minh tại các địa phương: Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm...

Giám đốc Sở Nội vụ Võ Chí Vương cho biết, 6 tháng vừa qua, tỉnh đã triển khai quyết liệt công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, trong đó ưu tiên những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Đặc biệt, việc cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư được triển khai mạnh mẽ; tỷ lệ hồ sơ trễ hạn giảm mạnh, hồ sơ trực tuyến tiếp tục đạt rất cao, vượt chỉ tiêu đề ra; thanh toán trực tuyến tăng mạnh về số lượt và số tiền giao dịch. Các chỉ số đánh giá quan trọng của tỉnh năm 2022 đều cải thiện rất tích cực. Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính cũng còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục. Sở sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiếp tục nỗ lực thực hiện Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đẩy mạnh xã hội hóa. Đồng thời, tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm, đúng hạn, hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; đưa vào hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính

công tỉnh; xây dựng nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh, nền tảng số hóa tỉnh, Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

BÌNH DƯƠNG: CHUYỂN ĐỔI SỐ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP CÙNG THỤ HƯỞNG

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi yêu cầu nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính.

Hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng chuyển đổi số; xây dựng, đổi mới bộ máy chính quyền theo hướng hiện đại, hoạt động hiệu quả để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Chuyển đổi số của Bình Dương đi vào thực chất

Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Văn Minh cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh Bình Dương tiếp nhận 708.634 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn chiếm 96%; hồ sơ giải quyết trong hạn chiếm 3,97%; hồ sơ giải quyết quá hạn chiếm 0,03%.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến. Cụ thể, 697/1.893 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình (36,82%); 692/1.893 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần (36,555%); 504/1.893 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến (26,625%).

Đồng thời, phê duyệt danh mục 731/1.950 dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 1 (từ ngày 01/6/2023 - 30/9/2023), chiếm 37%.

Về công tác chuyển đổi số, đến nay Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh Bình Dương đã thu thập, kết nối dữ liệu và tích hợp lên hệ thống hơn 1.039 chỉ số ở 27 lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Triển khai kết nối dữ liệu chia sẻ từ Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ. Các huyện, thị xã, thành phố cũng đang triển khai xây dựng, thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp huyện.

Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) giám sát kết nối toàn bộ hệ thống thông tin của tỉnh (01 ở tỉnh và 09 ở cấp huyện) và 2.000 máy tính trạm, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn thông tin Quốc gia.

Đến nay, có 8.705/62.000 doanh nghiệp công nghệ số. Toàn tỉnh Bình Dương có 82% người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính hợp pháp khác; 89% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; đã thành lập 586 Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân trong công tác chuyển đổi số...

Tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân, đã mua sắm 186 đầu đọc thẻ căn cước công dân gắn chip để phục vụ công tác khám, chữa bệnh bằng thẻ căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ Bảo hiểm y tế; có 17/25 cơ sở y tế đủ điều kiện khám sức khỏe liên thông cấp Giấy phép lái xe; 14/17 cơ sở y tế đủ điều kiện khám và cung cấp Giấy khám sức khỏe lái xe điện tử lên Cổng bảo hiểm y tế.

100% cơ sở y tế đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe đã có chứng thư số và sẵn sàng thực hiện ký số; 100% cơ sở giáo dục triển khai thanh toán học phí và các khoản thu không dùng tiền mặt.

Duy trì, bảo đảm nguồn dữ liệu dân cư luôn "đúng, đủ, sạch, sống", số nhân khẩu đã được cấp căn cước công dân trên địa bàn tỉnh là 1.995.169/1.997.945 (đạt 99,86%). Đến ngày 22/5/2023, Bình Dương cơ bản đã hoàn thành cấp căn cước công dân cho 100% người dân đủ điều kiện, là 01 trong 19 địa phương đầu tiên trên toàn quốc hoàn thành nhiệm vụ cấp căn cước công dân.

Các Trung tâm Y tế, Trạm y tế: xác minh, làm sạch 1.120.802 đối tượng sai thông tin, làm sạch và đồng bộ 1.933.076/2.049.380 dữ liệu căn cước công dân, số định danh cá nhân với bảo hiểm y tế (đạt 95%)...

Gắn trách nhiệm người đứng đầu với chuyển đổi số

Đối với Đề án 06, Công an tỉnh Bình Dương đang chủ trì triển khai 11 dịch vụ công thiết yếu; đến nay, 100% công an các đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ đề ra. Trong đó, đăng ký thường trú hồ sơ trực tuyến đạt 37,83%; đăng ký tạm trú đạt 66,43%; đăng ký lưu trú đạt 100%.

Đăng ký đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu đạt 100%; cấp hộ chiếu phổ thông đạt 83,6%.

Đối với nhóm 14 dịch vụ công thuộc các sở, ban, ngành, đã triển khai được 12/14 dịch vụ, còn 02 dịch vụ hiện đã kết nối chuẩn bị thực hiện là "Liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí, và liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi", trong đó, 02 dịch vụ công do Bảo hiểm xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký trực tuyến đạt 100%.

Đến 30/6/2022, 09/09 đơn vị cấp huyện đã thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện với việc đầu tư máy móc, thiết bị, khu vực làm việc phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Bộ phận một cửa cấp xã đang triển khai cải tạo, nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị hiện đại. Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính qua các năm luôn duy trì ở mức trên 94%.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh Bình Dương tiếp nhận 708.634 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 96%; 3,97% hồ sơ đang giải quyết trong hạn. Tỉnh đã triển khai 25/25 dịch vụ công thiết yếu của Chính phủ. Về rà soát, đánh giá và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đã có 16 đơn vị cấp tỉnh tổ chức rà soát đánh giá gần 60 thủ tục hành chính.

Trong cuộc làm việc trực tuyến mới đây giữa Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn với tỉnh Bình Dương về công tác kiểm soát thủ tục hành chính và bảo

đảm thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn đánh giá cao những kết quả Bình Dương đã đạt được trong cải cách thủ tục hành chính thời gian qua. Đồng thời nhấn mạnh, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương, đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của tỉnh Bình Dương nói riêng.

Bộ trưởng Trần Văn Sơn đề nghị Bình Dương, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, chú trọng nâng cao nghiệp vụ, trình độ và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, gắn với đầu tư cơ sở trang thiết bị, hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tốt các yêu cầu và nhiệm vụ trong cải cách thủ tục hành chính.

Nguồn: suckhoedoisong.vn

BÌNH PHƯỚC: CHUYỂN ĐỔI SỐ SỨC BẬT CHO SỰ PHÁT TRIỂN

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra mục tiêu tổng quát phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Bình Phước hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, từng bước chuyển dần sang chính quyền số cùng với chương trình đột phá trong cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Trong nửa nhiệm kỳ, chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng hình thành phong cách lãnh đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số.

Trước yêu cầu đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước khóa XI về chuyển đổi số đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng nhiều văn bản, kế hoạch. Đồng thời, xác định rõ trong chuyển đổi số, Nhà nước dẫn dắt, doanh nghiệp triển khai, người dân, doanh nghiệp hưởng ứng và cũng là trung tâm thụ hưởng thành quả chuyển đổi số.

Quyết tâm cao, hành động quyết liệt

Trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiều địa phương trong tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhờ quyết liệt thực hiện chuyển đổi số. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn TP. Đồng Xoài làm điểm xây dựng thành phố thông minh, đến nay rất nhiều ứng dụng, giải pháp công nghệ hiện đại được thành phố triển khai nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. TP. Đồng Xoài đang thực hiện hệ thống 205 mắt camera thông minh, 1 camera quay quét tầm cao và hơn 850 camera xã hội hóa kết nối dữ liệu về Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) thành phố. Công nghệ trí tuệ nhân tạo được tích hợp trong nhận diện biển số, khuôn mặt, xác định các hành vi vi phạm giao thông,

an ninh trật tự... Đây là một trong những điểm nhấn nổi bật về chuyển đổi số của TP. Đồng Xoài trong nửa nhiệm kỳ qua.

TP. Đồng Xoài cũng liên tiếp dẫn đầu khối huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh về Chỉ số cải cách hành chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đồng Xoài Nguyễn Minh Bình khẳng định: Mô hình thành phố thông minh mà TP. Đồng Xoài xây dựng sẽ tiếp tục hướng tới mục tiêu sự tiện lợi cho người dân trong quá trình sử dụng dịch vụ; sự thụ hưởng của người dân trong quá trình chính quyền vận hành. Và đặc biệt là hướng tới sự công khai, minh bạch, dân chủ để tất cả quyền lực của chính quyền thuộc về người dân.

Cải cách thủ tục hành chính được các cấp, ngành quan tâm rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết, công khai, minh bạch, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh đã thu hút đầu tư trong nước được 157 dự án/tổng số vốn đăng ký 28.929 tỷ đồng; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) được 110 dự án/tổng số vốn 1.272 triệu USD, lũy kế toàn tỉnh có 378 dự án FDI, với tổng số vốn hơn 4 tỷ USD. Trong nửa đầu nhiệm kỳ ước có 2.816 doanh nghiệp được thành lập mới, với tổng vốn đăng ký 44.741 tỷ đồng, đạt 47,23% mục tiêu nghị quyết. Lũy kế đến tháng 6-2023, toàn tỉnh có 11.182 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký 191.653 tỷ đồng.

Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước Nguyễn Minh Chiến cho rằng: “Tỉnh Bình Phước không chỉ hấp dẫn nhà đầu tư bởi các yếu tố khách quan như mặt bằng, vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh mà đang dần thu hút bởi những chính sách đầu tư hấp dẫn, thông thoáng và an toàn. Tỉnh Bình Phước quy hoạch các vùng, công khai rộng rãi để doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI biết và lựa chọn lĩnh vực đầu tư phù hợp. Cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, hiện đại, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi nhất khi doanh nghiệp đến đầu tư tại tỉnh.

Tạo nền tảng vững chắc

Ngay trong năm đầu thực hiện chương trình đột phá chiến lược về cải cách hành chính, nghị quyết về chuyển đổi số, tỉnh Bình Phước đã tạo dấu ấn bằng Kế hoạch số 170 triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm về “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển chính quyền số”. Chưa bao giờ phong trào chuyển đổi số tại tỉnh Bình Phước lại lan tỏa và tạo được sự đồng thuận cao như hiện nay. Đã có 1.432 thủ tục kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, tỉnh Bình Phước đang xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tỉnh Bình Phước đã đưa 1.076 dịch vụ công trực tuyến giải quyết toàn trình (đạt 73,3%), 396 dịch vụ công trực tuyến một phần (đạt 26,8%). Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được nâng cao, có ngày đạt hơn 99%. Việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính cấp tỉnh, huyện được đẩy mạnh với 42.552 giao dịch, tổng hơn 330 tỷ đồng. Hệ thống thông tin một cửa điện tử được triển khai đồng bộ tại 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, góp phần hiện đại hóa, công khai, minh bạch hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

Hoạt động chuyển đổi số được đẩy mạnh toàn diện theo Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy, gắn với thực hiện Đề án 06/CP của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử. Bình Phước đã hoàn thành việc cấp căn cước công dân cho 100% người đủ điều kiện, đồng bộ dữ liệu một số lĩnh vực của tỉnh với dữ liệu dân cư quốc gia.

Chính quyền số cũng được triển khai đồng bộ thông qua hiện đại hóa hoạt động hành chính, ứng dụng ký số, sử dụng văn bản điện tử, hộp không giấy, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo thành lập 111 tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 1.080 thành viên, 845 tổ công nghệ số cộng đồng thôn, ấp với 5.426 thành viên; hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai đồng bộ trong các lĩnh vực xây dựng, giáo dục, y tế và đang tiếp tục mở rộng đến tất cả lĩnh vực khác. Năm 2022, tỉnh Bình Phước xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố về chuyển đổi số.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nêu rõ: Quyết liệt thực hiện chương trình đột phá chiến lược tạo bước chuyển và nền tảng tốt cho phát triển giai đoạn tới, đó là đột phá trong cải cách hành chính, mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính... Với tinh thần đó, nhiều địa phương trong tỉnh Bình Phước đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, cải cách hành chính. Bởi chuyển đổi số, xét đến cùng là để phục vụ đời sống nhân dân, giúp kinh tế địa phương và đất nước phát triển. Nhờ đó, mục tiêu đề ra trong nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống, quyết định đến thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nhiệm kỳ.

Nguồn: baobinhphuoc.com.vn

TIỀN GIANG: NGÀNH THUẾ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ

Cục Thuế tỉnh Tiền Giang tích cực hỗ trợ người nộp thuế trên tất cả các lĩnh vực có liên quan đến công tác thuế nhằm hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Tiền Giang Nguyễn Năng Hoàn cho biết trong 6 tháng đầu năm, ngành thuế thu ngân sách đạt trên 4.760,7 tỷ đồng, đạt xấp xỉ 50% so với dự toán pháp lệnh.

Trong số tiền trên, có 10 khoản thu đạt 50% trở lên so dự toán pháp lệnh như thuế công thương nghiệp - ngoài quốc doanh đạt 51,12%, thuế thu nhập cá nhân đạt 63,80%, thu tiền sử dụng đất đạt 54,60%.

Hiện nay, toàn Ngành đang triển khai nhiều giải pháp tích cực nhằm đẩy nhanh tiến độ thu ngân sách trong 6 tháng cuối năm để hoàn thành mục tiêu thu ngân sách năm 2023 dự kiến là 9.330 tỷ đồng.

Trong các tháng cuối năm, Cục Thuế tỉnh Tiền Giang tiếp tục chú trọng tập trung đổi mới tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, lưu ý đến

các nội dung tuyên truyền thiết thực như phổ biến các chính sách pháp luật thuế cập nhật trong năm 2023; một số lưu ý đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên quan thời hạn nộp tờ khai lệ phí môn bài, tờ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, những vấn đề có liên quan cần giải đáp về hóa đơn điện tử....

Đặc biệt, tích cực hỗ trợ người nộp thuế trên tất cả các lĩnh vực có liên quan đến công tác thuế cũng như tập huấn chính sách thuế mới nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Đồng thời, Cục Thuế tỉnh Tiền Giang quan tâm cải cách thủ tục hành chính thuế, công khai đầy đủ các bộ thủ tục hành chính thuế ở các cấp cơ quan thuế giúp mọi tổ chức và công dân có nhu cầu tìm hiểu được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Trong cải cách thủ tục hành chính thuế hướng tới mục tiêu quan tâm lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan thuế và đội ngũ cán bộ, nhân viên toàn Ngành.

Trên cơ sở đó, thúc đẩy đổi mới lề lối làm việc, cải cách về thể chế, chính sách và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế mang lại hiệu quả ngày càng cao. Cục Thuế tỉnh cũng tổ chức đối thoại, tập huấn, hướng dẫn, phổ biến các chính sách thuế mới đến tận người dân và triển khai kế hoạch xét khen thưởng, tuyên dương người nộp thuế định kỳ hàng quý, hàng năm...

Theo ông Nguyễn Năng Hoàn, trong 6 tháng cuối năm, ngành thuế còn tăng cường rà soát, xác định các nguồn thu tiềm năng, các loại thuế còn thất thu; tăng cường quản lý thuế, đảm bảo việc hoàn thuế đúng đối tượng, đúng chính sách pháp luật của Nhà nước vừa tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế làm tốt nghĩa vụ của mình.

Cục Thuế kiểm soát chặt chẽ số chi hoàn thuế và xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế một cách chặt chẽ, hiệu quả; phối hợp với các cơ quan ban ngành hữu quan nhằm kiểm tra, phát hiện kịp thời các doanh nghiệp có rủi ro cao về chuyển giá, chuyển lợi nhuận, tránh thuế, trốn thuế, gian lận thuế, tội phạm về thuế cũng như các biện pháp hiệu quả chống thất thu trên các lĩnh vực kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, giao dịch liên kết, thương mại điện tử, kinh doanh vận tải, kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy, kinh doanh lương thực...

Để đảm bảo tiến độ thu ngân sách trong 6 tháng còn lại của năm 2023, lãnh đạo Cục Thuế rà soát, giao chỉ tiêu thu nợ thuế trong năm cho từng phòng, chi cục thuế, từng đội thuế, từng công chức thuế đồng thời rà soát, phân loại các khoản nợ thuế, phân tích nguyên nhân của từng đối tượng nợ thuế nhằm có giải pháp hiệu quả đôn đốc, tích cực thu hồi nợ thuế tồn đọng, đảm bảo thu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Nguồn: ttxvn/vietnamplus.vn

NHẬN DIỆN RÕ HÀNH VI TIÊU CỰC ĐỂ NGĂN CHẶN TỪ GỐC

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (Ban Chỉ đạo) đã ban hành Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 hướng dẫn một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực. Qua đây, các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị hiểu rõ cách thức nhận diện hành vi tiêu cực và những nhiệm vụ cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tại cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (ngày 18/3/2021), nhấn mạnh về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: Không chỉ đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực kinh tế, mà quan trọng hơn là phải chống tiêu cực trong cả lĩnh vực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Hai lĩnh vực này có liên quan đến nhau, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn đến tham nhũng, đây là cái gốc, cái cơ bản cần phải chống...

Sự suy thoái của cán bộ là biểu hiện tiêu cực rõ nét nhất

Tiêu cực là một khái niệm có nội hàm rất rộng. Để nhận diện những tiêu cực góp phần phòng, chống tham nhũng hiệu quả, Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW nêu rõ: Đó là những hành vi của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trái với Điều lệ, Cương lĩnh, nghị quyết, quy chế, quy định, chỉ thị, kết luận... (gọi chung là chủ trương, đường lối, quy định của Đảng), pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, những hành vi trái với chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội... Trong đó, biểu hiện rõ nét nhất của tiêu cực là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.

Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW cũng chỉ ra 19 hành vi tiêu cực cần tập trung phòng, chống. Cụ thể như: Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm nêu gương theo quy định của Đảng. Lợi dụng công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết để trục lợi. "Tư duy nhiệm kỳ", cơ hội, vụ lợi, nhất là hành vi lạm quyền, lộng quyền, lấy danh nghĩa tập thể để áp đặt, hợp thức hóa quyết định sai trái của cá nhân. Quan liêu, xa rời thực tế, không sâu sát công việc, không nắm chắc tình hình trong cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị. Chủ trì ban hành

hoặc tham mưu ban hành văn bản có nội dung trái với chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có nhiều sơ hở, bị lợi dụng gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân...

Như vậy có thể hiểu, biểu hiện rõ nét nhất của tiêu cực là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Trong thực tế, những hành vi tiêu cực, biểu hiện suy thoái đã được nêu trong nhiều văn bản của Đảng như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm, Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm... Thực hiện các văn bản này, các địa phương, đơn vị đã có chuyển biến rõ nét trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tuy nhiên, tại một số địa phương, Bộ, ngành, việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý tham nhũng trong nội bộ còn là khâu yếu. Vì vậy, tình trạng những nhiều, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tham nhũng trên một số lĩnh vực vẫn nghiêm trọng, phức tạp với những biểu hiện ngày càng tinh vi.

Do đó, Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW chỉ ra các hành vi tiêu cực cần tập trung chỉ đạo phòng, chống và những nhiệm vụ công tác cụ thể là căn cứ quan trọng giúp các địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là các Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố xác định được rõ phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ, từ đó thống nhất nhận thức và hành động trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt, với sự nhận diện rõ ràng, cụ thể hơn các hành vi tiêu cực liên quan tới tham nhũng, văn bản hướng dẫn đã khoanh vùng, thu hẹp diện tiêu cực để tập trung đấu tranh, tránh thực hiện tràn lan, kém hiệu quả; đồng thời tạo thuận lợi cho việc tham chiếu, áp dụng các văn bản của Đảng, Nhà nước trong xử lý hành vi, vụ việc hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản cho phù hợp tình hình thực tiễn. Nhìn vào đây, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có thể tự soi, tự sửa, tránh để bản thân vi phạm hoặc người thân lợi dụng để vi phạm. Dựa vào đây, quần chúng nhân dân có thể tham gia giám sát, phát hiện, tích cực góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tiêu cực

Mặc dù đã hướng dẫn nhận diện những hành vi tiêu cực cần tập trung chỉ đạo phòng, chống nhưng công tác phát hiện, xử lý tiêu cực có đúng và kịp thời hay không là ở năng lực hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan chức năng ở Bộ, ngành, địa phương. Thực tế cho thấy, quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, nếu địa phương nào chủ động thực hiện công tác kiểm điểm, đánh giá, tự phê bình và phê bình, nhất là tiếp tục cụ thể hóa 27 biểu hiện suy thoái thành những biểu hiện cụ thể hơn thì nơi đó công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng có sự chuyển biến rõ nét, nhận thức của cán bộ, đảng viên trong việc tự soi, tự sửa, tự rèn luyện nâng lên, uy tín và sức chiến đấu của tổ chức đảng được củng cố.

Cũng như vậy, đối với 19 hành vi tiêu cực mà Ban Chỉ đạo đã chỉ ra, các địa phương, cơ quan, đơn vị cần tích cực nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn, quán triệt để có sự nhận thức đầy đủ, sâu sắc trong toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; cần thiết tiếp tục

ngiên cứu cụ thể hóa các hành vi tiêu cực sát với thực tiễn môi trường công tác, tình hình địa phương để tăng tính chủ động, nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý hành vi tiêu cực, góp phần ngăn chặn "mầm mống" tham nhũng từ gốc.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Xuân Trường, Vụ trưởng Vụ địa phương 1, Ban Nội chính Trung ương, phòng, chống tiêu cực trước hết cần tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý với những biểu hiện tiêu cực xoay quanh sáu mối quan hệ chủ yếu của họ gồm: Trong quan hệ với công việc; trong quan hệ với cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình; trong quan hệ với doanh nghiệp; trong quan hệ với người dân; trong quan hệ với những người thân thiết và đối với bản thân mình. Những biểu hiện tiêu cực phổ biến trong quan hệ với công việc là: Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn; thao túng trong công tác cán bộ; lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực...

Biểu hiện tiêu cực trong quan hệ với cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý: Phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ... Trong quan hệ với doanh nghiệp: Quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, thậm chí lập doanh nghiệp "sân sau" để trục lợi...

Trong quan hệ với người dân: Quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của Nhân dân... Trong quan hệ với những người thân thiết (vợ, chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột...): Để người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi; tranh thủ bỏ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích... Đối với bản thân mình: Báo cáo, kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; trong tự phê bình còn giấu giếm, tranh công, đổ lỗi, không dám nhận khuyết điểm; cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình...

Bên cạnh việc tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm nhận diện kịp thời các hành vi tiêu cực, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về phòng, chống tiêu cực gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị, quản lý kinh tế - xã hội, có vai trò rất quan trọng nhằm ngăn ngừa hiệu quả tình trạng suy thoái của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương cần chủ động ban hành hoặc tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban Chỉ đạo còn yêu cầu làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tiêu cực, những sơ hở, bất cập trong cơ

chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ngăn ngừa, khắc phục, hoàn thiện; đồng thời sơ kết, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về phòng, chống tiêu cực; nghiên cứu, đánh giá những hành vi tiêu cực mới phát sinh của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức để tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, đưa vào diện tập trung chỉ đạo phòng, chống.

Hành vi thứ 19 trong Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW: "Các hành vi tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp khác do Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định" chính là nội dung mở để tiếp tục bổ sung những hành vi tiêu cực mới phát sinh trong thực tiễn...

Cùng với việc khẩn trương kiện toàn các Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là những cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện đồng bộ, toàn diện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương tới địa phương; đồng thời, gắn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, quyết tâm làm trong sạch bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Nguồn: nhandan.vn

SAU TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ, LỘ TRÌNH CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THẾ NÀO?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết Bộ Nội vụ đang xây dựng bảng lương mới để thực hiện lộ trình cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Thông tin về việc thực hiện chính sách cải cách tiền lương trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã nêu rõ giải pháp về "xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm", "tinh giản biên chế theo các nghị quyết của Đảng và quy định của Nhà nước".

"Đây là giải pháp căn bản mang tính tiền đề để thực hiện cải cách chính sách tiền lương và giải pháp gắn với "thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII" là rất quan trọng để cải cách chính sách tiền lương đồng bộ", bà Phạm Thị Thanh Trà đánh giá.

Bộ trưởng Nội vụ thông tin, tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua thời điểm và phương án điều chỉnh tăng lương, phụ cấp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo đó, từ ngày 01/7/2023, tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng (tăng khoảng 20,8%). Theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính, kết quả tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần giảm chi, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước trong 4 năm (2017 - 2021) được 25.638 tỷ đồng.

Đồng thời, Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung cụ thể của chính sách tiền lương mới, bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp cải cách chính sách tiền lương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong đó kinh phí tiết kiệm do tinh giản biên chế nêu trên là nguồn ngân sách Nhà nước quan trọng để thực hiện tăng lương trong năm 2023 và các năm sau.

Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nhìn nhận, lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW là vấn đề rất được quan tâm bởi liên quan mật thiết đến đời sống của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bà Phạm Thị Thanh Trà nêu rõ, thời gian qua trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì nội dung cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và hoàn thiện thể chế chính sách được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, chủ yếu (cùng với giải pháp về đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức)

nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia.

Để triển khai nhiệm vụ này, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới để thay thế chế độ tiền lương hiện hành. Bộ Nội vụ đang xây dựng 1 dự thảo nghị định và 11 dự thảo thông tư.

Tuy nhiên, lãnh đạo Bộ Nội vụ thông tin do tác động của nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên Hội nghị Trung ương 13 khóa XII và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII đã chỉ đạo lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp.

Theo bà Phạm Thị Thanh Trà, thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tham mưu Chính phủ báo cáo các cấp có thẩm quyền, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội về lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

Bộ Nội vụ cũng đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ Nghị quyết về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị.

Trong đó có nhiệm vụ xây dựng, ban hành bảng lương chức vụ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, sửa đổi mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh.

"Hiện Chính phủ đang chỉ đạo quyết liệt Bộ Nội vụ tham mưu hoàn thành hệ thống thể chế, chính sách để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương. Bộ Nội vụ cũng đang xây dựng bảng lương mới theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW", Bộ trưởng Nội vụ cho hay

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà bày tỏ hy vọng trong năm tới tình hình kinh tế trong nước khởi sắc, chúng ta sẽ bắt đầu thực hiện lộ trình cải cách tiền lương với mục tiêu "bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình người hưởng lương, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội".

Tại Nghị quyết số 101/2023/QH15 Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, Quốc hội yêu cầu Chính phủ tập trung nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương, báo cáo Quốc hội lộ trình cải cách chính sách tiền lương tại Kỳ họp thứ 6.

Phương án cải cách tiền lương

Báo cáo về kết quả thực hiện chất vấn tại Kỳ họp thứ 4, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện báo cáo "kết quả thực hiện và lộ trình triển khai cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp" để trình cấp có thẩm quyền.

Trong đó, Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng phương án triển khai đồng bộ các nội dung của chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Đó là tăng mức lương thấp nhất của khu vực công bằng mức lương thấp nhất bình quân vùng khu vực doanh nghiệp; mở rộng quan hệ tiền lương; sắp xếp lại các chế độ phụ cấp và cơ cấu lại tỷ lệ giữa lương cơ bản và phụ cấp; bổ sung quỹ tiền thưởng.

Đồng thời, Bộ Nội vụ đề xuất phương án điều chỉnh các năm tiếp theo. Cụ thể là tiếp tục điều chỉnh mức lương thấp nhất để bù trượt giá và có phần cải thiện theo mức tăng trưởng GDP cho đến khi đạt mức lương tối thiểu cao hơn mức lương thấp nhất của vùng I (vùng cao nhất) của khu vực doanh nghiệp như mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Nguồn: vtc.vn

CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN Ở VIỆT NAM VẪN CHƯA THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI DÙNG?

Cần tiếp tục tăng thêm tính thân thiện, dễ sử dụng của Công dịch vụ công trực tuyến, tăng cường kết nối dữ liệu giữa Công dịch vụ công quốc gia và các Công dịch vụ công cấp tỉnh...

Đây là một trong những khuyến nghị được đưa ra tại tọa đàm “Đánh giá mức độ thân thiện với người dùng của 63 Công dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh lần thứ nhất, năm 2023” do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam và Viện Nghiên cứu Chính sách và Phát triển Truyền thông (IPS) phối hợp với tổ chức ngày 11/7 tại Hà Nội.

Nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu chính sách và Phát triển Truyền thông (IPS) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đã chỉ ra 5 thực trạng chính về mức độ thân thiện với người dùng của các công dịch vụ công cấp tỉnh, bao gồm các tính năng để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình chưa được bảo đảm; quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử chưa được tối ưu hóa cho người dùng; bất cập trong kết nối dữ liệu, tài khoản và giao diện giữa hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của trung ương và địa phương; công dịch vụ công còn khó tiếp cận với người khiếm thị và đồng bào dân tộc thiểu số; và việc cam kết bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an toàn thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

Kết quả thử nghiệm thực hiện dịch vụ “Cấp phiếu lý lịch tư pháp” trên công dịch vụ công trực tuyến của các tỉnh khẳng định thêm các vấn đề nêu trên. Kết quả cho thấy, trong số 63 công dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, 26 Công dịch vụ công trực tuyến yêu cầu người nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp bản chụp/bản quét trực tuyến; 24 Công dịch vụ công trực tuyến chưa cho phép trả hồ sơ trực tuyến mà chỉ trả kết quả qua bưu điện hoặc tới cơ quan nhận trực tiếp và 17 Công dịch vụ công trực tuyến yêu cầu người dùng thanh toán trực tuyến xong mới được nộp hồ sơ.

Ngoài ra, kết quả phân tích 200 phản ánh kiến nghị về dịch vụ công trực tuyến đăng tải trên Công dịch vụ công quốc gia đã chỉ ra những hạn chế ở cả ba phương diện kỹ thuật, con người và quy trình triển khai dịch vụ công trực tuyến. Các vấn đề thuộc nhóm kỹ thuật bao gồm công dịch vụ công bị lỗi; việc nộp, cập nhật, bổ sung, theo dõi tình trạng hồ sơ trực tuyến còn nhiều bất tiện; không thể thanh toán trực tuyến; hay chữ ký số không được duyệt. Các bất cập về con người có thể kể đến cán bộ trả lại hồ sơ với lý do chưa thỏa đáng; cán bộ không giải thích, hướng dẫn cho người dân khi hồ sơ bị sai; cán bộ không nghe máy đường

dây nóng; cán bộ chưa nắm rõ quy trình; thái độ cán bộ chưa phù hợp. Các bất cập về quy trình, thủ tục gồm chậm trễ trong quy trình tiếp nhận hồ sơ; người dân nộp hồ sơ trực tuyến nhưng được yêu cầu bổ sung hồ sơ trực tiếp; quy trình nộp trực tuyến, tiếp nhận, trả lại và từ chối hồ sơ chưa rõ ràng.

Nghiên cứu đã đưa ra hai nhóm khuyến nghị về tăng tính thân thiện, dễ sử dụng của giao diện cổng dịch vụ công trực tuyến và đề xuất hoàn thiện chính sách phát triển dịch vụ công trực tuyến để cải thiện tỉ lệ và nâng cao trải nghiệm của người dân. Đáng chú ý, nghiên cứu đề xuất dịch vụ công trực tuyến cần phải thân thiện hơn với người khuyết tật bằng cách rà soát định kỳ, phát hiện và cải thiện mức độ thân thiện với người khuyết tật sử dụng trình đọc màn hình và mời nhóm người khuyết tật tham gia đánh giá trải nghiệm dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, cần tăng cường kết nối dữ liệu giữa cổng dịch vụ công quốc gia và các cổng dịch vụ công cấp tỉnh và xây dựng quy định về chuẩn kỹ thuật kết nối, liên thông các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Theo Phó Đại diện thường trú của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam Patrick Haverman, số hóa dịch vụ công là một ưu tiên quan trọng của Chính phủ Việt Nam trong tiến trình cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Ưu tiên này được thể hiện trong các văn bản chiến lược quốc gia quan trọng như Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 76/NQ-CP ban hành “Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” với quan điểm quán triệt là lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá.

“Việt Nam có cam kết khá cao đối với việc chuyển đổi số trong khu vực công, thể hiện trong chương trình chuyển đổi số quốc gia tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh việc lấy người dân là trung tâm của môi trường số và đưa người dân tới môi trường số. Một điều quan trọng với dịch vụ công trực tuyến là phải làm cho thân thiện, dễ dàng tiếp cận với người sử dụng, đặc biệt là với các đối tượng dễ chịu thiệt thòi trong quá trình chuyển đổi số”, ông Patrick Haverman cho hay.

Tuy nhiên, theo số liệu thống kê, tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2020 đạt 1,78%, năm 2021 đạt 9,51%, và 7 tháng năm 2022 đạt gần 18%. Theo kết quả khảo sát Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2022, chỉ có 4,85% số người được phỏng vấn cho biết họ sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia cho nhiều mục đích, chủ yếu là tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính cần thực hiện.

Ông Patrick Haverman cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến dễ tiếp cận và sử dụng cho người dân, đặc biệt là những người đang bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số, như đã nêu trong Báo cáo Đánh giá chuyển đổi số năm 2022.

Ông Nguyễn Minh Hồng, Chủ tịch Hội truyền thông số Việt Nam, đánh giá cao việc Chính phủ chọn dịch vụ công trực tuyến là ưu tiên trọng tâm trong tiến trình xây dựng Chính phủ số.

Theo ông Hồng, tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiện nay có thể vẫn ở mức hạn chế, tuy nhiên điều này cũng hàm ý cơ hội để mở rộng bao phủ dịch vụ và gia tăng lợi ích cho người dân trong thời gian tới là rất lớn.

“Chính phủ, đầu mối là Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, tập trung vào hai nhóm việc trọng tâm, gồm hoàn thiện chức năng cung cấp dịch vụ công cho 25 dịch vụ công thiết yếu nhất và nâng cao trải nghiệm cho người dùng dịch vụ thông qua cải tiến giao diện để sử dụng và thân thiện hơn. Làm được khâu này sẽ giúp Việt Nam tăng điểm số, đạt mục tiêu lọt vào nhóm 50 quốc gia đứng đầu trong xếp hạng Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc”, ông Hồng nêu ý kiến.

Nguồn: vov.vn

CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 10/7/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Chương trình).**

Theo đó, Nghị quyết nêu rõ, mục đích của Chương trình nhằm xác định các nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Đồng thời, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm của Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện Kết luận số 50-KL/TW, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW đặt ra đến năm 2030 và các chương trình, kế hoạch thực hiện chủ trương của Đảng.

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, nhất là công tác thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật, tạo chuyển biến thực sự, đạt kết quả trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình là các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức trách nhiệm, quyết tâm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và các chủ trương, quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới

Về thể chế chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý công chức, viên chức, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp

luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; quy định rõ cơ chế phân cấp, ủy quyền. Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

Nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng

Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền giao, quản lý biên chế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền về quản lý nhà nước gắn với cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu; chính quyền đô thị;... tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát, tổng hợp, báo cáo, đề xuất chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công thuộc ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

Nghiên cứu, xây dựng văn bản đề thể chế hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khắc phục tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức.

Nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Xây dựng, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phù hợp với tính chất, yêu cầu về nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động như: Giải quyết thủ tục hành chính 24/24; quản lý theo khu vực, liên vùng; có quy mô lớn, tổ chức trực thuộc nhiều; thực hiện nhiệm vụ có tính chất chuyên môn, khoa học chuyên sâu.

Xây dựng, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức, vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập để thể chế hóa chủ trương của Đảng về quản lý biên chế.

Xây dựng, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội để thể chế hóa chủ trương của Nghị quyết số 18-NQ/TW; Thông báo kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới và Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cùng với thời điểm xây dựng cơ

cấu tổ chức của Chính phủ khóa XVI nhiệm kỳ 2026 - 2031, bảo đảm việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng tinh gọn; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục và tổ chức tương đương, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, bảo đảm yêu cầu về tiến độ theo Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/02/2023 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và thực hiện mô hình Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và thực hiện mô hình Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực gắn với nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chính, cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ. Rà soát, đề xuất giải quyết các vấn đề còn giao thoa giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo hướng báo cáo Chính phủ giao một cơ quan chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

Nghiên cứu, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (từ khóa XII đến khóa XV), trên cơ sở đó nghiên cứu, xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XVI.

Các địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các Quy định và Kết luận của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.

Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm cùng với khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị

Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm cùng với khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị làm cơ sở xác định biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn, gắn với đánh giá thực chất, xếp loại chính xác công chức, viên chức.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền về lộ trình cải cách chính sách tiền lương và việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho cải cách chính sách tiền lương giai đoạn sau năm 2023; trong đó có nội dung rà soát, sắp xếp chức danh, chức vụ theo phân cấp quản lý; xây dựng, ban hành bảng lương chức vụ bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống

chính trị từ Trung ương đến cơ sở ban hành kèm theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị...

Chính phủ yêu cầu, bám sát Kết luận số 50-KL/TW để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW. Quá trình thực hiện phải tạo được sự đồng bộ, liên thông, gắn với việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng. Các nhiệm vụ, giải pháp phải từ thực tiễn, xác định những việc cần làm ngay, có lộ trình và phân công thực hiện cụ thể. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Kết luận.

*** Ngày 01/7/2023, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Thông tư số 24/2023/TT-BCA quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới.**

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới được quy định trong Luật Giao thông đường bộ, bao gồm: Đăng ký xe lần đầu; đăng ký sang tên, di chuyển xe; cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; đăng ký xe tạm thời; thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; đăng ký, cấp biển số xe trúng đấu giá (sau đây gọi chung là đăng ký xe); hướng dẫn giải quyết một số trường hợp cụ thể; biểu mẫu, thời hạn sử dụng chứng nhận đăng ký xe, xác định năm sản xuất của xe và biển số xe.

Đáng chú ý, Thông tư này quy định biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe (sau đây gọi là biển số định danh). Theo đó, Biển số định danh là biển số có ký hiệu, seri biển số, kích thước của chữ và số, màu biển số theo quy định tại Thông tư này.

Cụ thể, đối với chủ xe là công dân Việt Nam thì biển số xe được quản lý theo số định danh cá nhân. Chủ xe là người nước ngoài thì biển số xe được quản lý theo số định danh của người nước ngoài do hệ thống định danh và xác thực điện tử xác lập hoặc số thẻ thường trú, số thẻ tạm trú hoặc số chứng minh thư khác do cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với chủ xe là tổ chức thì biển số xe được quản lý theo mã định danh điện tử của tổ chức do hệ thống định danh và xác thực điện tử xác lập; trường hợp chưa có mã định danh điện tử của tổ chức thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập.

Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì biển số định danh của chủ xe được cơ quan đăng ký xe thu hồi và cấp lại khi chủ xe đăng ký cho xe khác thuộc quyền sở hữu của mình. Số biển số định danh được giữ lại cho chủ xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày thu hồi; quá thời hạn nêu trên, nếu chủ xe chưa đăng ký thì số biển số định danh đó được chuyển vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định. Trường hợp chủ xe chuyển trụ sở, nơi cư trú từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì được giữ lại biển số định danh đó (không phải đổi biển số xe).

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định về thủ tục đăng ký, quản lý biển số xe trúng đấu giá như sau: Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số xe ô tô thực hiện đăng ký xe kê khai giấy khai đăng ký xe theo quy định, đưa xe đến Phòng Cảnh sát giao thông nơi có trụ sở, cư trú hoặc Phòng Cảnh sát giao thông nơi quản lý biển số xe trúng đấu giá để kiểm tra xe; cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến và nộp hồ sơ xe theo quy định. Sau khi cán bộ đăng ký xe

kiểm tra hồ sơ xe, thực tế xe bảo đảm hợp lệ thì được cơ quan đăng ký xe cấp biển số xe trúng đấu giá. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số xe ô tô nhận giấy hẹn trả kết quả đăng ký xe, nộp lệ phí đăng ký xe theo quy định; trường hợp chủ xe có nhu cầu nhận kết quả đăng ký xe qua dịch vụ bưu chính công ích thì đăng ký với đơn vị dịch vụ bưu chính công ích.

Đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu xe không kèm theo biển số xe trúng đấu giá, chủ xe nộp hồ sơ và làm thủ tục thu hồi. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe nộp hồ sơ và làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định.

Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trúng đấu giá: Chủ xe nộp hồ sơ và làm thủ tục thu hồi, chủ xe không phải nộp lại biển số xe trúng đấu giá nhưng phải nộp bán sao chứng từ chuyển quyền sở hữu xe và xuất trình bản chính để đối chiếu. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe nộp hồ sơ và làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định, được đăng ký, giữ nguyên biển số xe trúng đấu giá (chứng từ chuyển quyền sở hữu phải thể hiện rõ nội dung chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số trúng đấu giá). Tổ chức, cá nhân đã nhận chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trúng đấu giá, không được tiếp tục chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trúng đấu giá cho tổ chức, cá nhân khác; được chuyển quyền sở hữu xe theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023.

*** Ngày 29/6/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ký ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.**

Thông tư quy định, các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm h và điểm i Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/7/2023.

Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP nghỉ việc hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/01/1995 (bao gồm những người đã nghỉ hưởng trợ cấp mất sức lao động trước ngày 01/01/1995, sau đó được tiếp tục hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động) sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này mà có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 3.000.000 đồng/tháng.

Thông tư nêu rõ, từ ngày 01/7/2023, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định trên được điều chỉnh như sau:

Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Cụ thể:

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ tháng 7 năm 2023	=	Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp tháng 6 năm 2023	x	1,125
--	---	--	---	-------

Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Cụ thể:

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ tháng 7 năm 2023	=	Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp tháng 6 năm 2023	x	1,208
--	---	--	---	-------

Thông tư nêu rõ, từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng nhóm 2 sau khi được điều chỉnh theo quy định trên tiếp tục được điều chỉnh như sau:

Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 2.700.000 đồng/tháng:

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau điều chỉnh	=	Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi được điều chỉnh theo quy định Khoản 1 Điều 2 Thông tư này	+	300.000 đồng/tháng
---	---	--	---	--------------------

Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.700.000 đồng/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/tháng:

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau điều chỉnh	=	3.000.000 đồng/tháng
---	---	----------------------

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/8/2023. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01/7/2023.

*** Ngày 30/6/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.**

Thông tư nêu rõ nguyên tắc biên tập nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu:

Về nguyên tắc chung: Đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Loại bỏ trong chương trình tất cả các nội dung vi phạm các điều cấm của pháp luật về báo chí và quy định pháp luật khác; những vấn đề còn gây tranh cãi, những vấn đề chưa được pháp luật Việt Nam công nhận. Bảo vệ trẻ em và đối tượng dễ bị tổn thương khác đối với các nội dung không phù hợp hoặc có thể có tác động tiêu cực. Loại bỏ trong chương trình những nội dung, đoạn hội thoại có ý chê bai, dèm pha về nguồn gốc, xuất thân của người đối thoại hoặc nhân vật được đề cập; những nội dung lấy nhược điểm thân thể của cá nhân để chọc cười; những từ ngữ, ký hiệu miệt thị, trái văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục Việt Nam; hạn

chế sử dụng tiếng lóng, từ ngữ chửi thề nếu không phù hợp với hoàn cảnh, bối cảnh, nội dung được chương trình đề cập. Loại bỏ chương trình trong trường hợp khi thực hiện biên tập chương trình, phát hiện trong chương trình, tại địa điểm diễn ra sự kiện, địa điểm tổ chức sự kiện thể thao, giải trí có xuất hiện hình ảnh, hoạt động vi phạm các điều cấm của pháp luật, trái thuần phong mỹ tục Việt Nam hoặc có các yếu tố chính trị nhạy cảm.

Đối với các chương trình ghi âm, ghi hình để phát sau: thực hiện biên tập chương trình như quy định tại khoản 1, bao gồm cả bản chữ (text) và tệp (file) hình ảnh, âm thanh.

Đối với chương trình do đơn vị biên tập là đơn vị tổ chức sản xuất: Thực hiện biên tập chương trình như quy định tại khoản 1 nêu trên; biên tập từ khâu kịch bản đến khâu tổ chức sản xuất trước khi diễn ra chương trình trực tiếp và giám sát, biên tập trực tiếp nội dung tại thời điểm truyền phát từ khi bắt đầu đến khi kết thúc.

Đối với chương trình khai thác, mua bản quyền trong nước và nước ngoài: Thực hiện biên tập chương trình như quy định tại khoản 1; rà soát trước nội dung căn cứ lịch truyền phát chương trình đã có trước, theo kịch bản hoặc nội dung chương trình được đối tác cung cấp trước khi diễn ra chương trình trực tiếp và giám sát, biên tập trực tiếp nội dung tại thời điểm truyền phát từ khi bắt đầu đến khi kết thúc.

Đối với các chương trình thể thao và giải trí có nội dung liên quan đến y tế, giáo dục và trò chơi điện tử trực tuyến: Thực hiện biên tập như quy định tại khoản 1 và phải bảo đảm đáp ứng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đối với các chương trình giải trí là các chương trình truyền hình thực tế, biểu diễn nghệ thuật; các chương trình truyền hình có nội dung thi tài, biểu diễn về những hành động mạo hiểm, nguy hiểm, có nguy cơ gây thương tích; các chương trình truyền hình giả tưởng, chương trình dàn dựng lại từ sự việc có thật; các chương trình thể thao về các bộ môn thể thao mạo hiểm, thể thao đối kháng, võ thuật, có tính bạo lực, nguy hiểm: phải có dòng chữ cảnh báo chậm nhất trước 03 giây so với thời điểm diễn ra tình huống, nội dung cần cảnh báo và được duy trì trong suốt quá trình diễn ra tình huống, nội dung này để người xem không bất chước, học theo...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023.

*** Ngày 30/6/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.**

Thông tư bổ sung các Khoản 4a, 4b, 4c, 4d vào sau Khoản 4 Điều 4 về chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

Định kỳ 6 tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 09A/DVTHTT.

Thời hạn gửi báo cáo 6 tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

Định kỳ hàng tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo nhanh hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 10A/DVTHTT. Thời hạn gửi báo cáo nhanh, chậm nhất là ngày 15 của tháng báo cáo.

Định kỳ 6 tháng, các cơ quan báo chí được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu có trách nhiệm báo cáo về hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 16A/SXCT.

Thời hạn gửi báo cáo 6 tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

Báo cáo nghiệp vụ của các cơ quan, doanh nghiệp gửi bằng một trong các phương thức sau về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: trực tiếp, qua đường bưu chính, trực tuyến trên hệ thống báo cáo tại trang thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thiên Văn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Thành lập 4 Hội đồng điều phối vùng :

Ngày 11/7/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký ban hành các Quyết định số 824/QĐ-TTg, Quyết định số 825/QĐ-TTg, Quyết định số 826/QĐ-TTg và Quyết định số 827/QĐ-TTg thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng và vùng Tây Nguyên.

4 Hội đồng điều phối vùng được thành lập nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Hội đồng điều phối vùng là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, điều phối, giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về liên kết vùng, phát triển bền vững 4 vùng.

Theo Quyết định số 825/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực. Các Phó Chủ tịch gồm Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường.

Theo Quyết định số 826/QĐ-TTg, Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực. Các Phó Chủ tịch gồm Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Công Thương.

Theo Quyết định số 824/QĐ-TTg, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực. Các Phó Chủ tịch gồm Bộ trưởng các Bộ: Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Theo Quyết định số 827/QĐ-TTg, Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Chủ tịch Hội đồng. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực. Các Phó Chủ tịch gồm Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Hội đồng điều phối vùng có thể thành lập các tiểu ban làm đầu mối điều phối theo ngành, lĩnh vực hoặc theo các tiểu vùng. Tiểu ban được tổ chức và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng quyết định.

Kiện toàn thành viên Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số:

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Quyết định 830/QĐ-TTg ngày 12/7/2023 bổ sung Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quốc gia chuyển đổi số thay Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà.

Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW:

Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 796/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Các Phó Trưởng ban gồm: Đồng chí Đặng Quốc Khánh, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng chí Nguyễn Duy Hưng, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm các ông/bà sau: Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Vũ Thanh Mai, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương; Nguyễn Hữu Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Nguyễn Tuấn Anh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội; Võ Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Tài chính; Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nguyễn Hoàng Giang, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Nguyễn Tường Văn, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; Lê Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Hoàng Đạo Cương, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nguyễn Sinh Nhật Tân, Thứ trưởng Bộ Công Thương; Thượng tướng Nguyễn Tân Cương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Thiếu tướng Lê Văn Tuyền, Thứ trưởng Bộ Công an; Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp; Đỗ Hùng Việt, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

Kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải:

Ngày 07/7/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 817/QĐ-TTg bổ sung danh mục dự án và kiện toàn Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải.

Theo đó, ông Đỗ Thành Trung, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên Ban Chỉ đạo thay thế bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bổ sung ông Nguyễn Thanh Ngọc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh làm Ủy viên Ban Chỉ đạo.

*** Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Chuẩn y Ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025 cho đồng chí Lê Văn Bảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy.

*** Bộ Quốc phòng:**

Thượng tá Nguyễn Thành Trung, Phó Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị.

*** Thành phố Hà Nội:**

Bà Lê Anh Thư, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đến nhận công tác tại Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm để giới thiệu bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Ông Nguyễn Anh Quân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

*** Tỉnh Quảng Ninh:**

Ông Lê Ngọc Thanh, Phó Chánh Thanh tra tỉnh được điều động về công tác tại cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để đảm nhận chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Quyết định số 914-QĐNS/TW ngày 28/6/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

*** Tỉnh Lào Cai:**

Bà Nguyễn Thị Hải Anh, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kể từ ngày 04/7/2023.

Ông Lê Anh Đức, Trưởng phòng Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên, Sở Nội vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ, kể từ ngày 11/7/2023.

*** Tỉnh Lai Châu:**

Ông Lê Văn Lương, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Trung tá Lê Trung Thảo, cán bộ Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu Bộ đội Biên phòng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng Nghệ An.

*** Tỉnh Tây Ninh:**

Ông Nguyễn Văn Phước, Phó Giám đốc phụ trách Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Nguồn: baohinhphu.vn